

# VĨ MÔ VÀ CHIẾN LƯỢC

Nội lực là chìa khóa tăng trưởng trước thách thức

---

**Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**

Đồng Thanh Tuấn

[tuân.dt@miraeasset.com.vn](mailto:tuân.dt@miraeasset.com.vn)

# NỘI DUNG

## [Tóm tắt]

<b>① Bối cảnh toàn cầu</b>	<b>4</b>
Hiệu suất giao dịch của các chỉ số chứng khoán chính	
Ngành công nghiệp AI trải qua cú sốc lớn với sự xuất hiện của các mô hình ngôn ngữ lớn “giá rẻ”	
Khởi đầu của Thương Chiến 2.0	
<b>② Thị trường tiền tệ</b>	<b>8</b>
Tỷ giá USD/VND	
Lãi suất liên ngân hàng	
Trái phiếu Chính phủ	
<b>③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp</b>	<b>10</b>
Tổng quan 2024	
Triển vọng 2025	
Hoạt động phát hành	
Hoạt động mua lại trước hạn	
Danh sách các doanh nghiệp có trái phiếu đáo hạn trong năm 2025	
<b>④ Thị trường chứng khoán Việt Nam</b>	<b>20</b>
Diễn biến giao dịch	
Phân loại giá trị giao dịch theo các nhóm nhà đầu tư	
Thống kê theo ngành và kết quả kinh doanh quý 4/2024	
Triển vọng	



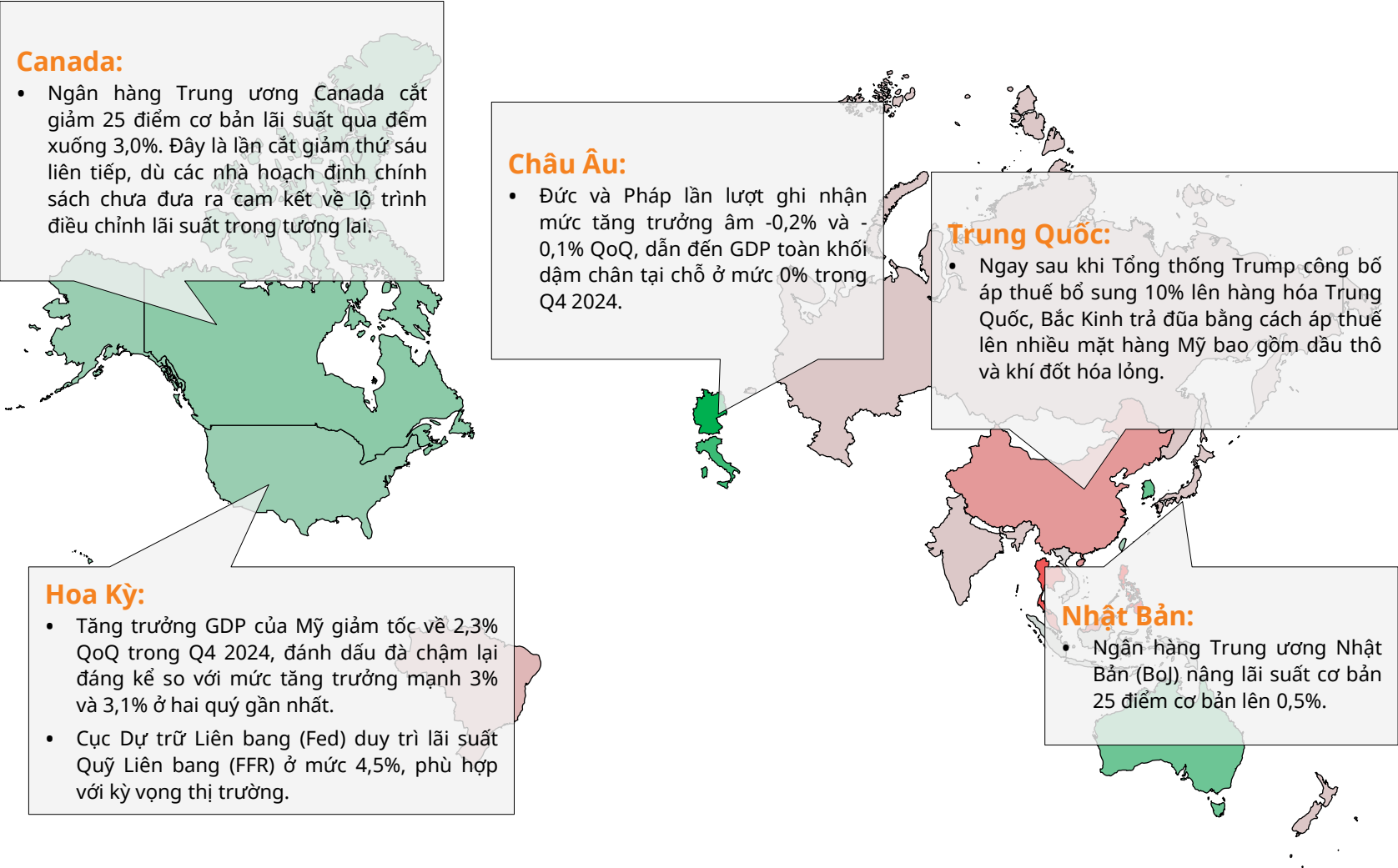
## [Tóm tắt]

### Nội lực là chìa khóa tăng trưởng trước thách thức

- **Tháng 1/2025 đánh dấu sự phân hóa mạnh mẽ của thị trường tài chính toàn cầu dưới tác động kép từ các đột phá công nghệ về trí tuệ nhân tạo (AI), thương chiến và chính sách tiền tệ.** Trong đó, thị trường chứng khoán tại Mỹ duy trì đà tăng điểm nhờ vào lạm phát cơ bản duy trì ổn định (3,2-3,3%), chi tiêu tiêu dùng mạnh mẽ (+4,2% QoQ) và sự kỳ vọng đến từ các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của chính quyền Trump. Tuy nhiên, sự xuất hiện của các mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) với chi phí đầu tư không quá lớn từ Trung Quốc đã dẫn đến các đợt bán tháo cổ phiếu công nghệ tại Mỹ. Trong khi đó, Canada và châu Âu hưởng lợi từ chính sách nới lỏng tiền tệ, với TSX và DAX tăng lên mức đỉnh lịch sử trong khi ghi nhận tăng trưởng GDP âm tại Đức, Pháp trong Q4 2024 và mức tăng khiêm tốn 0,3% QoQ của Canada trong Q3 2024.
- Bối cảnh thương mại toàn cầu leo thang căng thẳng khi Tổng thống Trump áp thuế 25% lên hàng hóa Mexico, Canada và đồng thời áp thêm 10% đối với các mặt hàng từ Trung Quốc có tổng trị giá 525 tỷ USD. Phản ứng của Trung Quốc bao gồm đệ đơn lên WTO cùng biện pháp trả đũa nhắm vào than đá, LNG và các khoáng sản chiến lược như vonfram, telua - những mặt hàng then chốt cho công nghệ cao của Mỹ. Trong đó, Việt Nam với mức thâm hụt thương mại lên đến 123 tỷ USD với Mỹ vào năm 2024, có thể sẽ chưa ghi nhận bất kỳ tác động trực tiếp nhờ vào chiến lược "Trung Quốc +1" của các doanh nghiệp FDI. Các ước tính cho thấy thương chiến kéo dài có thể làm giảm 0,6 điểm phần trăm GDP Trung Quốc và đẩy lạm phát cơ bản tại Mỹ tăng thêm 0,8 điểm phần trăm, từ đó ảnh hưởng gián tiếp đến lộ trình giảm lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) và bối cảnh tỷ giá và môi trường lãi suất tại Việt Nam.
- Tỷ giá USD/VND giảm 0,57% YTD nhờ hưởng lợi từ nguồn kiều hối, sức mạnh đồng USD ổn định và các động thái can thiệp hiệu quả của Ngân hàng Nhà nước thông qua OMO và RRP. Trong khi đó, thị trường thứ cấp về trái phiếu chính phủ ghi nhận lợi suất tăng đồng loạt tại mọi kỳ hạn vào tháng 1 trong bối cảnh lộ trình cắt giảm lãi suất của Fed còn nhiều thách thức, nâng mức kỳ vọng về lợi suất của nhà đầu tư đối với việc nắm giữ trái phiếu; đồng thời ghi nhận diễn biến tương đồng với lợi suất trái phiếu tại các nền kinh tế trọng điểm như Mỹ, Đức và Nhật.
- Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục khởi sắc với VN-Index duy trì đà tăng ba tuần liên tiếp, đóng cửa ở mức 1.265,05 điểm trước Tết Nguyên Đán. Ngành ngân hàng đóng vai trò chủ đạo khi đóng góp lên đến 9 điểm trong đà tăng chung, góp phần cân bằng áp lực giảm điểm đến từ các nhóm như Nguyên vật liệu, Bất động sản và F&B. Kết quả kinh doanh tích cực trong Q4 2024 (tổng lợi nhuận sau thuế và lợi ích thiểu số tăng 33,5% YoY cùng với ROE cải thiện và tăng lên gần 14%) góp phần cải thiện tâm lý giao dịch chung của các nhà đầu tư trong nước, qua đó giải tỏa áp lực bán rông 6,5 nghìn tỷ đồng từ nhà đầu tư nước ngoài. **Triển vọng tháng 2 hướng đến mốc 1.280-1.300 điểm của VN-Index trong bối cảnh đà tăng trong giai đoạn tới sẽ được củng cố bởi định giá hấp dẫn của thị trường** (định giá P/E hiện tại đang duy trì ở mức -1 lần độ lệch chuẩn so với giá trị P/E bình quân 5 năm gần nhất tại 13,8 lần nếu loại bỏ các khoản lợi nhuận đột biến), song chúng tôi đồng thời duy trì sự thận trọng trước các rủi ro đến từ sự phụ thuộc quá mức vào nhóm Ngân hàng trong thời gian qua. Các yếu tố vĩ mô toàn cầu như xung đột Nga-Ukraine, lạm phát dai dẳng tại Mỹ/Châu Âu, cùng nguy cơ thắt chặt chính sách tiền tệ từ Ngân hàng Nhật Bản tiếp tục là những rủi ro trọng yếu cần tiếp tục theo dõi trong Q1 2025.

① Bối cảnh toàn cầu

Quốc gia	Chỉ số	Giá đóng cửa	T1
Việt Nam	VN-Index	1.265,05	-0,14%
Mỹ	S&P 500	6.040,53	2,70%
Canada	TSX	25.533,10	3,26%
Nhật	Nikkei 225	39.572,49	-0,81%
Trung Quốc	SHCOMP	3.250,60	-3,02%
Hồng Kông	Hang Seng	20.225,11	0,82%
Đài Loan	TWSE	23.525,41	2,13%
Hàn Quốc	KOSPI	2.517,37	4,91%
Ấn Độ	SENSEX	77.500,57	-0,82%
Indonesia	JCI	7.109,20	0,41%
Thái Lan	SET	1.314,50	-6,12%
Singapore	STI	3.855,82	1,80%
Malaysia	FBMKLCI	1.556,92	-5,20%
Philippines	PSEi	5.862,59	-10,20%
UK	FTSE 100	8.673,96	6,13%
Pháp	CAC 40	7.950,17	7,72%
Đức	DAX	21.732,05	9,16%
Ý	IT 40	36.471,75	6,69%
Úc	ASX 200	8.532,30	4,57%
New Zealand	NZX 50	12.995,01	-0,88%



## ① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

**Ngành công nghiệp AI trải qua cú sốc lớn với sự xuất hiện của các mô hình ngôn ngữ lớn “giá rẻ” đến từ Trung Quốc**

- **Tháng 1/2025 chứng kiến sự phân hóa rõ rệt trên thị trường tài chính toàn cầu, khi sự thận trọng trong tâm lý giao dịch kết hợp với các tín hiệu trái chiều đến từ các chỉ số kinh tế vào giai đoạn đầu năm dẫn đến diễn biến tăng giảm đan xen của thị trường chứng khoán tại các thị trường trọng điểm.** Trong đó, Mỹ, Canada và Châu Âu được xem là những thị trường có hiệu suất giao dịch tốt nhất trong tháng qua.
- **Sức mạnh của thị trường chứng khoán Mỹ được xây dựng trên ba nền tảng vững chắc:** (1) Lạm phát cơ bản duy trì ổn định (CPI cơ bản giữ vững quanh ngưỡng 3,2-3,3% YoY trong 7 tháng liên tiếp, thay vì tăng tốc do biến động giá dầu); (2) Chi tiêu tiêu dùng bùng nổ, đóng góp lớn vào tăng trưởng quý 4/2024 (chi tiêu tiêu dùng tăng 4,2% QoQ, trong khi GDP quý 4 chỉ tăng 2,3% QoQ); và (3) Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp từ chính quyền Tổng thống Trump, bao gồm nới lỏng quy định và điều kiện vay vốn, đã góp phần đẩy các chỉ số Dow Jones, S&P 500 và Nasdaq lên các mức cao kỷ lục mới.
  - Tuy nhiên, sự xuất hiện của Deepseek - một mô hình ngôn ngữ lớn với chi phí nghiên cứu đầu tư và phát triển tương đối thấp đến từ Trung Quốc - đã tạo ra sự đảo lộn đáng kể trong cơ cấu ngành, đặc biệt là ở nhóm cổ phiếu công nghệ. Điều này trái ngược hoàn toàn với khoản đầu tư hàng tỷ USD vào hạ tầng GPU của NVIDIA từ các "ông lớn" như OpenAI, Anthropic và Meta. Hậu quả là, vốn hóa thị trường của NVIDIA đã "bốc hơi" khoảng 600 tỷ USD chỉ trong ngày 27/1.
  - Theo quan điểm của chúng tôi, thị trường có thể đã phản ứng có phần thái quá trước sự ra mắt của Deepseek. Dù dòng vốn đầu tư vào AI dự kiến vẫn sẽ duy trì mạnh mẽ trong năm 2025, trọng tâm đang dần thay đổi. Thay vì chỉ tập trung vào việc mua thêm GPU, các doanh nghiệp đang hướng tới tối ưu hóa hiệu quả hệ thống AI, cải tiến thuật toán và phát triển các ứng dụng quy mô nhỏ hơn, hướng tới người dùng phổ thông và các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các công ty vẫn sẽ tiếp tục đầu tư vào GPU hiệu năng cao, nhưng có lẽ với một tốc độ thận trọng hơn.
- **Trong khi đó, thị trường Canada và châu Âu lại được hưởng lợi từ thanh khoản dồi dào đến từ việc nới lỏng chính sách tiền tệ.** Cả Ngân hàng Trung ương Canada (BoC) và Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đều đã có động thái cắt giảm lãi suất lần thứ sáu liên tiếp kể từ giữa năm 2024, đánh dấu một bước ngoặt rõ rệt so với lập trường "điều hòa" trước đó.
  - Khác với Mỹ, hai ngân hàng trung ương này được dự báo sẽ tiếp tục duy trì chính sách nới lỏng trong suốt năm 2025 để ứng phó với đà tăng trưởng kinh tế đang chậm lại. Hai nền kinh tế đầu tàu của khu vực đồng Euro là Đức và Pháp đều ghi nhận mức tăng trưởng âm trong quý 4/2024 do sản xuất công nghiệp đình trệ, tỷ lệ thất nghiệp gia tăng và bất ổn chính trị. Tình trạng này đã kéo tăng trưởng GDP của toàn khu vực đồng Euro xuống mức 0% QoQ, và tăng trưởng cả năm 2024 chỉ đạt 0,7%. Trong khi đó, Canada ghi nhận mức tăng trưởng GDP khiêm tốn 0,3% QoQ trong quý 3/2024.
  - Một điểm đáng chú ý là sự phân kỳ giữa diễn biến kém khả quan của các hoạt động kinh tế và đà tăng trưởng ấn tượng của thị trường chứng khoán tại Canada và châu Âu. Cả hai chỉ số TSX (Canada) và DAX (Đức) đều đang giao dịch ở vùng đỉnh lịch sử, với mức định giá cao gấp 1-2 lần độ lệch chuẩn so với tỷ lệ P/E trung bình 5 năm. Sự tăng trưởng "nóng" này, chủ yếu được thúc đẩy bởi thanh khoản dồi dào từ chính sách nới lỏng tiền tệ, lại hoàn toàn trái ngược với các yếu tố nền tảng kinh tế đang suy yếu và áp lực lạm phát vẫn còn dai dẳng, làm dấy lên những lo ngại về tính bền vững của thị trường.

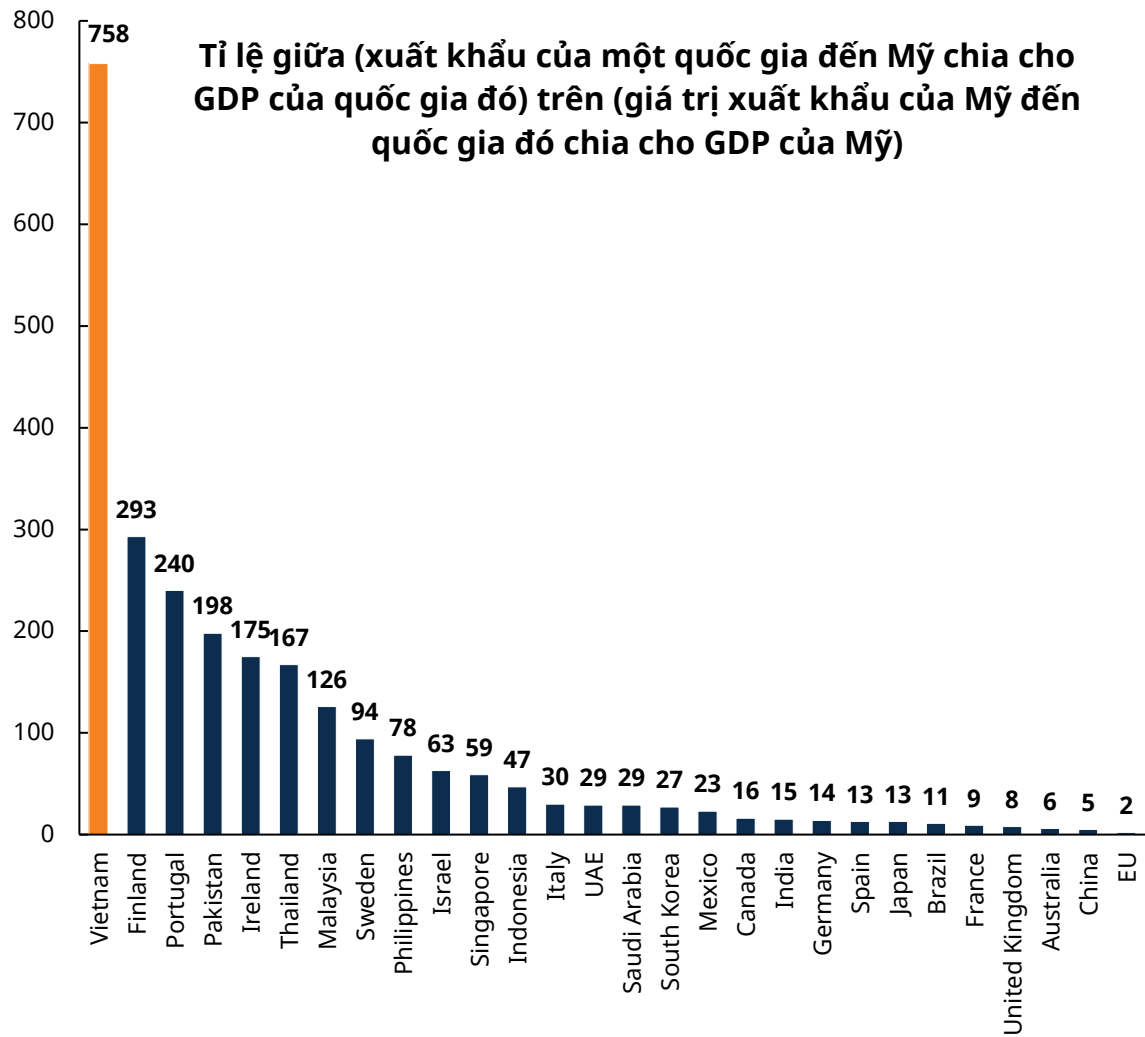
## ① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

### Khởi đầu của Thương Chiến 2.0

- Ngày 01/02/2025, Tổng thống Donald Trump đã khởi đầu Thương Chiến thông qua ba sắc lệnh hành pháp, áp thuế nhập khẩu 25% lên hàng hóa Mexico và Canada, đồng thời áp thêm thuế 10% đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc (trị giá 525 tỷ USD). Sau đó, ông đã tạm hoãn thuế quan đối với Canada và Mexico trong 30 ngày sau khi hai quốc gia này cam kết tăng cường an ninh biên giới.
- Trong khi đó, Trung Quốc đã lựa chọn biện pháp ngoại giao bằng việc đưa tranh chấp lên Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) để giải quyết, đồng thời áp thuế 15% đối với than đá và khí tự nhiên hóa lỏng, cùng với áp thuế 10% đối với dầu thô, máy móc nông nghiệp và ô tô động cơ lớn nhập khẩu từ Mỹ (trị giá 14 tỷ USD). Động thái áp thuế trả đũa lên các mặt hàng nhập khẩu giá trị thấp như than đá và LNG, kết hợp với kiểm soát xuất khẩu đối với một số nguyên tố quan trọng cho sản xuất các sản phẩm công nghệ cao hiện đại như vonfram, telua, bitmut, molypden và indi - nhiều trong số đó được Cục Khảo sát Địa chất Hoa Kỳ chỉ định là các loại khoáng sản quan trọng và mang tính thiết yếu đối với an ninh kinh tế hoặc quốc gia của Hoa Kỳ và có chuỗi cung ứng dễ bị gián đoạn.
- Cho đến nay, mức thuế hiện tại vẫn còn thấp hơn đáng kể so với những tuyên bố trong chiến dịch tranh cử của ông Trump, khi ông từng đe dọa sẽ áp thuế lên tới 60% đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc. Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng cả hai quốc gia đều đã có sự chuẩn bị từ trước và sẵn sàng cho một cuộc chiến thương mại với quy mô và mức độ nghiêm trọng lớn hơn so với những gì đã diễn ra trong nhiệm kỳ đầu tiên của ông Trump. Theo Cục Phân tích Kinh tế Hoa Kỳ (BEA), thâm hụt thương mại của Trung Quốc với Hoa Kỳ đã giảm xuống còn 295 tỷ USD vào năm 2024 so với mức đỉnh 418 tỷ USD vào năm 2018. Điều này cho thấy kết quả ban đầu của Chiến tranh Thương mại, nhưng đồng thời cũng tạo ra sự gián đoạn trong thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu, tiếp tục thúc đẩy các chiến lược tái định vị chuỗi cung ứng như "friendshoring" (chuyển sản xuất sang các nước đồng minh), "nearshoring" (chuyển sản xuất về gần) và "reshoring" (chuyển sản xuất về nước), tạo ra một giải pháp để tránh các khoản thuế quan tăng thêm do chiến tranh thương mại gây ra trong bối cảnh tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa của Trung Quốc trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa thế giới đã liên tục tăng lên kể từ năm 2018 thông qua việc phân phối hàng hóa cho các đối tác thương mại khác.
- Theo quan điểm của chúng tôi, những diễn biến gần đây cho thấy một ván cờ thương mại được tính toán kỹ lưỡng giữa các bên. Chính quyền Trump đã triển khai chiến lược "thăm dò và điều chỉnh" thông qua việc áp đặt mức thuế ban đầu tương đối khiêm tốn, sau đó điều chỉnh quyết định dựa trên phản ứng của đối phương - như đã thấy qua việc tạm hoãn thuế quan đối với Mexico và Canada. Tuyên bố cứng rắn của Tổng thống Trump vào ngày 7/2/2025 về kế hoạch áp thuế đối ứng lên nhiều quốc gia trong tuần tới càng củng cố thêm nhận định này.
- Trong khi đó, Việt Nam duy trì thâm hụt thương mại tương đối lớn với Mỹ trong những năm gần đây (thâm hụt lớn thứ tư với Mỹ lên tới 123 tỷ USD vào năm 2024 và liên tục có xu hướng tăng), nhưng giai đoạn hiện tại của cuộc xung đột dường như có tác động khá hạn chế đến Việt Nam. Điều này một phần là do Mỹ đang tập trung sự chú ý vào các đối tác thương mại lân cận (Mexico, Canada và EU) cùng với đối thủ truyền thống là Trung Quốc. Mặt khác, cán cân thương mại Mỹ - Việt phản ánh một thực tế sâu xa hơn về chuỗi cung ứng toàn cầu, nơi thâm hụt thương mại hiện tại chủ yếu bắt nguồn từ xuất khẩu linh kiện điện tử, dệt may và giày dép từ khu vực FDI - các doanh nghiệp đang tận dụng lợi thế chi phí lao động cạnh tranh và chính sách đầu tư nước ngoài thuận lợi của Việt Nam, đồng thời thực hiện chiến lược đa dạng hóa chuỗi cung ứng "Trung Quốc + 1". Mặc dù vậy, Việt Nam cũng có thể phải đối mặt với nguy cơ tiềm ẩn từ việc thực thi các quy tắc xuất xứ "rules-of-origin" đối với hàng hóa chuyển tải.
- Tuy nhiên, chúng tôi cũng tin rằng tác động thực tế của cuộc Chiến tranh Thương mại này sẽ vượt ra ngoài phạm vi thương mại quốc tế, vì tất cả các bên đều sẽ chịu ảnh hưởng ở các mức độ khác nhau. Đối với Mỹ, Economist Intelligence Unit ước tính việc tăng thuế 20 điểm phần trăm đối với hàng xuất khẩu của Trung Quốc sang Mỹ có thể làm giảm GDP của Trung Quốc khoảng 0,6 điểm phần trăm từ năm 2025 đến 2027, trong khi Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ chi nhánh Boston ước tính rằng việc kết hợp thuế quan đối với Canada, Mexico và Trung Quốc có thể dẫn đến lạm phát PCE cơ bản tăng 0,8 điểm phần trăm. Do đó, một cuộc chiến thương mại kéo dài sẽ góp phần làm gia tăng áp lực lạm phát đối với hoạt động tiêu dùng nội địa của Mỹ, làm chậm lộ trình giảm lãi suất của Fed; qua đó tác động gián tiếp đến tỷ giá và môi trường lãi suất của Việt Nam.

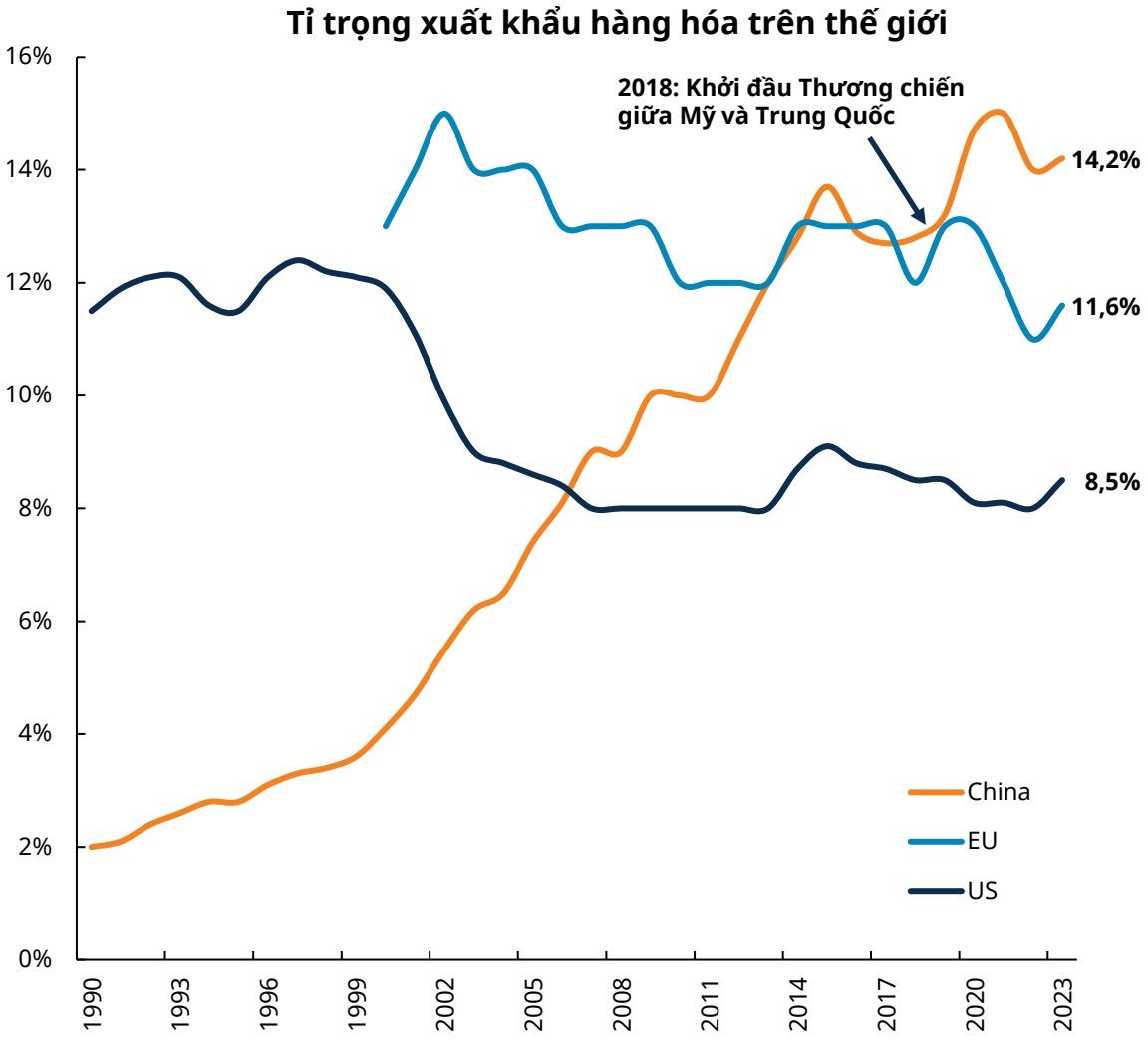
# ① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu rủi ro cao trong Thương Chiến 2.0 với xuất khẩu là động lực tăng trưởng chủ chốt và Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất đối với Việt Nam



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.  
Dữ liệu từ UN Comtrade, IMF, Bloomberg Economics, cập nhật tới 04/02/2025.

Tỷ trọng xuất khẩu của Trung Quốc trong tổng xuất khẩu thế giới đạt 14,2% vào năm 2023, so với EU là 11,6% và Hoa Kỳ là 8,5%.



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.  
Dữ liệu từ UNCTAD và WTO, cập nhật tới 07/02/2025.

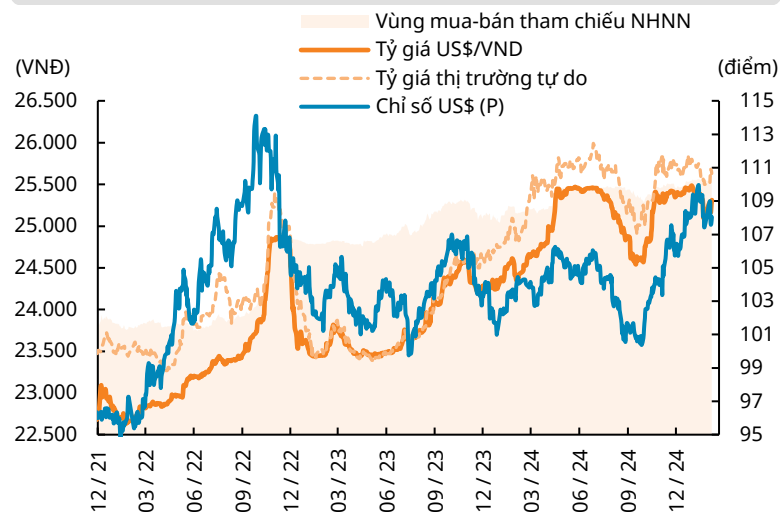


## ② Thị trường tiền tệ

### Tỷ giá USD/VND hạ nhiệt trong bối cảnh lạm phát cơ bản ổn định tại Mỹ

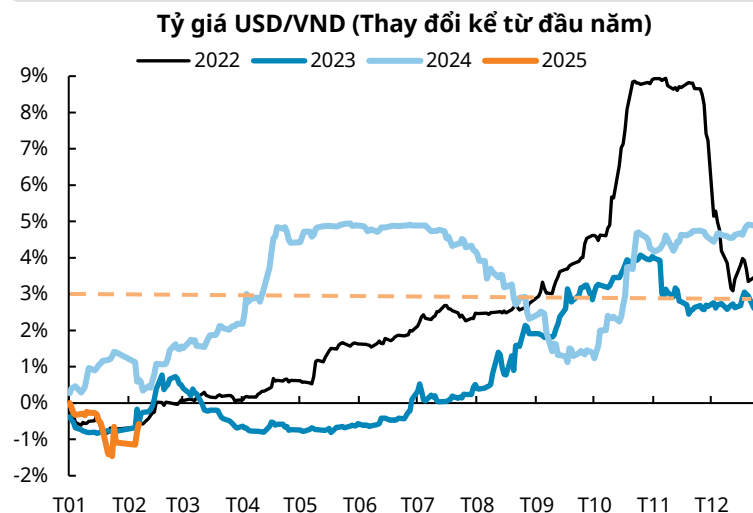
- Năm 2024, tỷ giá USD/VND chịu áp lực kéo dài đến từ các yếu tố bất định liên quan đến lộ trình cắt giảm lãi suất của Fed, khiến đồng VND mất giá 4,8% so với đầu năm. Tuy nhiên, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã chủ động triển khai các biện pháp can thiệp tiền tệ, bao gồm quản lý thanh khoản thông qua nghiệp vụ thị trường mở (OMO) và các hợp đồng mua lại đảo ngược (RRP), kết hợp với việc bán USD từ dự trữ ngoại hối thông qua các giao dịch kỳ hạn kết hợp với hợp đồng giao ngay, giúp phần nào ổn định tỷ giá và lãi suất trong nước.
- Sang năm 2025, tỷ giá có dấu hiệu hạ nhiệt nhờ các yếu tố hỗ trợ như dòng kiều hối tăng mạnh trong dịp Tết Nguyên đán và các chỉ số kinh tế vĩ mô cải thiện. Đáng chú ý, lạm phát cơ bản của Hoa Kỳ (không bao gồm các mặt hàng có tính biến động cao như thực phẩm và dầu khí) ổn định đã làm giảm áp lực từ bên ngoài. Tính đến ngày 7/2/2025, tỷ giá trên kênh liên ngân hàng đã giảm 0,57% so với đầu năm, cho thấy một khởi đầu tương đối thuận lợi đối với năm 2025 dù có tăng nhẹ vào đầu tháng 2.
- Trong tháng 1/2025, NHNN phát hành tín phiếu qua OMO với tổng giá trị 162,5 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 7 ngày và 14 ngày, lãi suất 4%/năm. Đồng thời, NHNN cũng thực hiện các hợp đồng RRP với tổng giá trị 233,5 nghìn tỷ đồng, cùng mức lãi suất. Sau ngày 20/1, NHNN điều chỉnh kỳ hạn của các hoạt động RRP lên 14 ngày và 21 ngày để phù hợp hơn với điều kiện thanh khoản thị trường.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



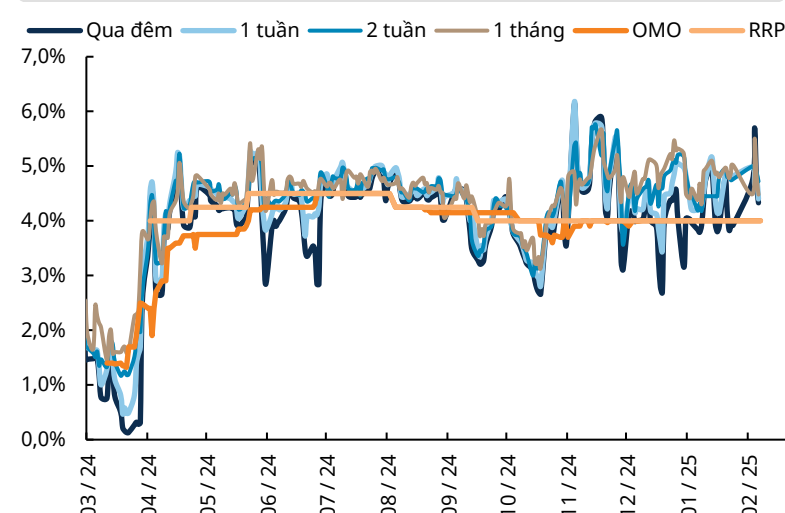
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, FiinPro, NHNN; cập nhật tới 07/02/2025

Tỷ giá hạ nhiệt trong tháng 1 với nhiều yếu tố hỗ trợ



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 07/02/2025

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, NHNN, cập nhật tới 07/02/2025

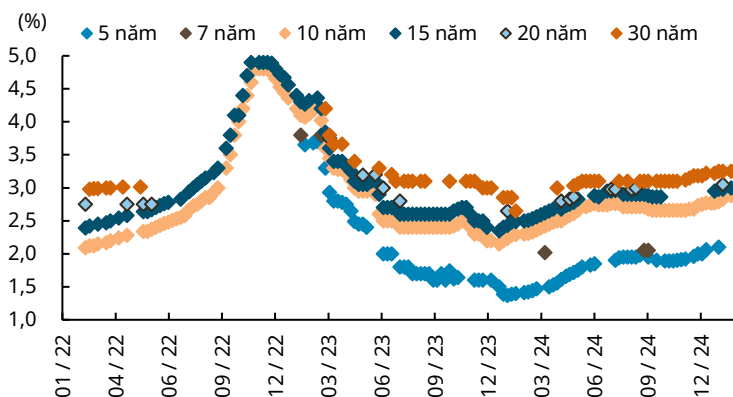


## ② Thị trường tiền tệ (Tiếp theo)

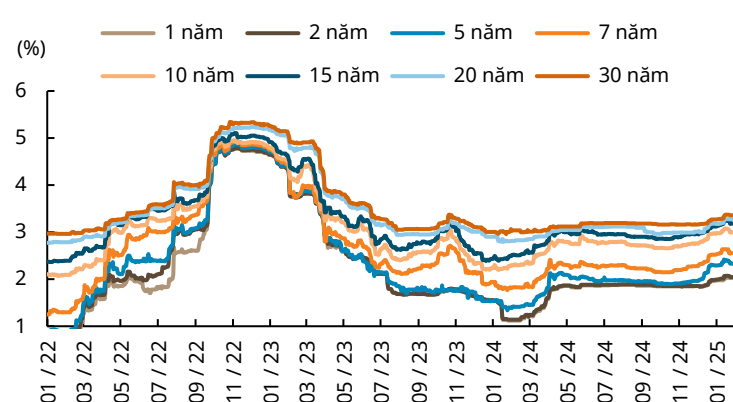
**Lợi suất trái phiếu tăng mạnh tại các nền kinh tế trọng điểm trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế giảm tốc và lạm phát dai dẳng**

- Trong tháng 1, Kho bạc Nhà nước Việt Nam đã huy động được 15.442 tỷ đồng trái phiếu chính phủ (tương đương 49% tổng giá trị gọi thầu), với tỷ lệ đặt thầu trên giá trị chào bán (bid-to-cover ratio) là 0,79 lần (trung bình năm 2024: 1,24 lần). Giá trị trúng thầu cho từng kỳ hạn như sau: 5 năm (100 tỷ đồng); 10 năm (12.276 tỷ đồng); 15 năm (2.360 tỷ đồng); 20 năm (500 tỷ đồng); và 30 năm (206 tỷ đồng).
  - Lợi suất trúng thầu bình quân tháng 1 tăng đáng kể do các nhà đầu tư kỳ vọng lợi suất cao hơn. Đường cong lợi suất thể hiện cấu trúc sau: 5 năm (+4 điểm cơ bản lên 2,1%), 10 năm (+6 điểm cơ bản lên 2,83%), 15 năm (+12 điểm cơ bản lên 2,98%), 20 năm (+5 điểm cơ bản lên 3,05%), và 30 năm (+3 điểm cơ bản lên 3,25%).
- Trên thị trường thứ cấp, tính đến ngày 24/1, lợi suất tiếp tục tăng ở tất cả các kỳ hạn. Cụ thể, các mức biến động lợi suất như sau: 1 năm (+5,8 điểm cơ bản lên 2,025%), 2 năm (+6,3 điểm cơ bản lên 2,046%), 5 năm (+3,1 điểm cơ bản lên 2,334%), 7 năm (+3,1 điểm cơ bản lên 2,553%), 10 năm (+2,2 điểm cơ bản lên 2,995%), 15 năm (+6,7 điểm cơ bản lên 3,184%), 20 năm (+9,6 điểm cơ bản lên 3,275%), và 30 năm (+8,7 điểm cơ bản lên 3,358%).
  - Trong suốt tháng 12/2024 và tháng 1/2025, chúng tôi nhận thấy các diễn biến tương đồng về lợi suất trái phiếu tại các nền kinh tế lớn, được củng cố bởi đà tăng giá của các tài sản rủi ro, hoạt động kinh tế suy yếu và kỳ vọng lạm phát gia tăng do nhiều cấu phần lạm phát giảm tốc độ hạ nhiệt, dẫn đến kỳ vọng lợi suất trái phiếu cao hơn, bất chấp các ngân hàng trung ương lớn như Fed, ECB, Ngân hàng Trung ương Anh (BoE), Ngân hàng Trung ương Canada (BoC),... liên tục cắt giảm lãi suất.
  - Trong năm 2025, chúng tôi kỳ vọng lợi suất trái phiếu sẽ ổn định ở mức hiện tại với kỳ vọng Fed sẽ có 2 lần cắt giảm lãi suất. Tuy nhiên, chúng tôi duy trì quan điểm thận trọng đối với lợi suất đấu thầu, vốn có thể chịu áp lực tăng trong bối cảnh lo ngại lạm phát xuất phát từ Thương Chiến 2.0. Điều này có thể dẫn đến kịch bản "không cắt giảm lãi suất", giữ lợi suất trái phiếu ở mức cao do các nhà đầu tư yêu cầu phần bù rủi ro cao hơn trong bối cảnh bất ổn gia tăng. Triển vọng này càng trở nên thách thức khi xét đến kế hoạch huy động 500 nghìn tỷ đồng thông qua phát hành trái phiếu chính phủ trong năm 2025 của Kho bạc Nhà nước – tăng 25% so với mục tiêu năm 2024 và cao hơn 50% so với lượng phát hành thực tế năm 2024 – nhằm bổ sung cho ngân sách nhà nước. Mức tăng đáng kể về nguồn cung này diễn ra vào thời điểm khả năng hấp thụ của thị trường và mức độ đặt thầu đã cho thấy sự suy giảm đáng kể kể từ tháng 9/2024, có khả năng gia tăng áp lực lên lợi suất.

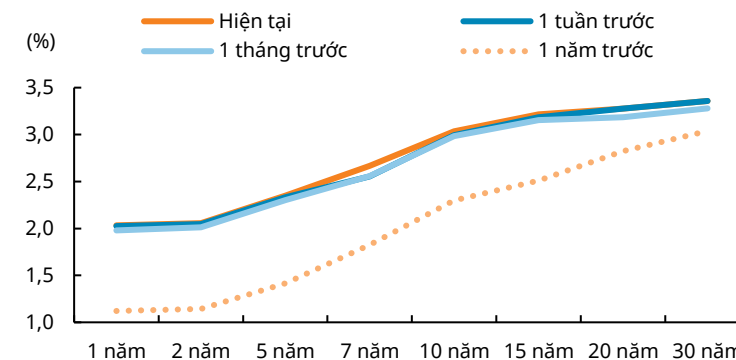
Lợi suất trúng thầu trên thị trường sơ cấp



Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp



Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp



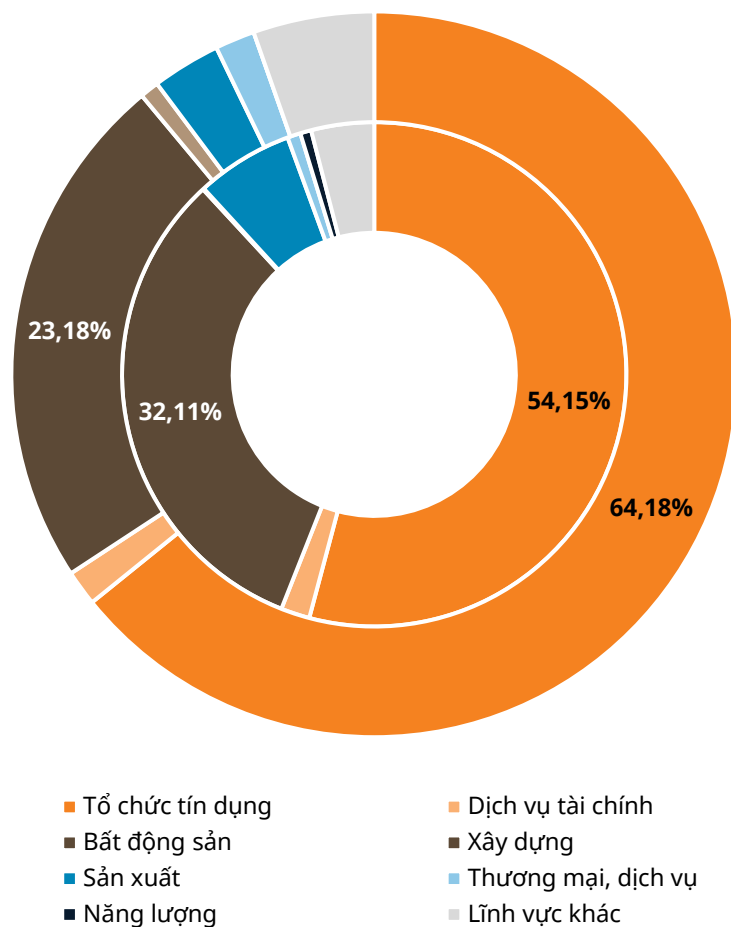
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 05/02/2025

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 07/02/2025

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 07/02/2025

### ③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Tổng lượng trái phiếu doanh nghiệp  
phát hành theo ngành trong năm 2023 và 2024



#### Tổng quan 2024:

- **Phát hành mới:** Tổng giá trị huy động thành công thông qua kênh trái phiếu doanh nghiệp trong năm 2024 đạt khoảng 485 nghìn tỷ đồng, tương ứng với tăng trưởng 40% so với năm trước. Phần lớn lượng trái phiếu phát hành đến từ các tổ chức tín dụng (hầu hết là ngân hàng thương mại) với nhu cầu gia tăng nguồn vốn cấp 2 nhằm hỗ trợ tăng trưởng tín dụng đối với các khoản vay dài hạn, đáp ứng các tỉ lệ theo quy định như kiểm soát kiểm soát tỉ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn dưới 30% và tỉ lệ cho vay trên tiền gửi ở mức 85%; đặc biệt là trong bối cảnh tăng trưởng tiền gửi đang chậm lại so với giai đoạn 2021 – 2022.
- **Mua lại trước hạn:** Trong năm 2024, tổng giá trị mua lại trước hạn đạt gần 184 nghìn tỷ đồng, giảm 22% so với cùng kỳ. Theo VISRating, tỉ lệ thu hồi trái phiếu chậm trả đối với các nhóm ngành đã có sự cải thiện đáng kể so với đầu năm; cụ thể đối với nhóm Bất động sản Nhà ở thì tỉ lệ này đã tăng từ 10% vào cuối 2023 lên hơn 22,7% vào tháng 12/2024 sau các nỗ lực đàm phán cùng với trái chủ nhằm tái cơ cấu các khoản nợ trễ hạn hoặc thay đổi phương thức thanh toán bằng nhiều cách khác nhau bao gồm trả bằng tiền, hoán đổi tài sản hoặc phát mãi tài sản bảo đảm; qua đó, cải thiện tỉ lệ thu hồi trái phiếu chậm trả toàn thị trường lên thêm 1% kể từ mức 22,9% vào tháng 11/2024.

#### Nhìn về 2025:

- **Lịch đáo hạn:** VIS Rating ước tính dự kiến có khoảng 224 nghìn tỷ đồng trái phiếu đáo hạn trong năm 2025; trong đó có khoảng 110 nghìn tỷ đồng đáo hạn thuộc nhóm ngành Bất động sản Nhà ở. Trong đó, VIS Rating nhận định rằng có khoảng 17% giá trị trái phiếu có rủi ro chậm trả nợ gốc; 94% giá trị trái phiếu rủi ro này đến từ nhóm Bất động sản Nhà ở và Du lịch, nghỉ dưỡng.
- **Luật chứng khoán sửa đổi có hiệu lực từ tháng 1/2025 dự kiến sẽ góp phần dựng xây các nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của thị trường trái phiếu doanh nghiệp** khi được định hướng nhằm nâng cao tính minh bạch của thị trường, gia tăng quyền lợi cho trái chủ và tạo nên những lợi thế nhất định trong hoạt động huy động vốn đối với các doanh nghiệp có lịch sử hoạt động minh bạch, sức khỏe tài chính lành mạnh kết hợp với kết quả xếp hạng tín nhiệm tốt.
  - Trong đó, các sửa đổi luật góp phần ràng buộc nghĩa vụ của nhà phát hành trái phiếu cùng các đơn vị trung gian như đơn vị tư vấn, kiểm toán và xếp hạng tín nhiệm trong khi đồng thời mở rộng quyền can thiệp vào thị trường của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ các đợt phát hành nếu phát hiện sai phạm.
  - Ngoài ra, luật mới đồng thời có vai trò ngăn chặn hoạt động đầu tư có rủi ro cao đối với các nhà đầu tư cá nhân; tại đây, nhà đầu tư cá nhân nhỏ lẻ cần phải xác nhận là nhà đầu tư chuyên nghiệp trước khi tham gia mua trái phiếu riêng lẻ và bản thân tổ chức phát hành cũng được yêu cầu có kết quả xếp hạng tín nhiệm, có tài sản đảm bảo hoặc được bảo lãnh thanh toán từ các tổ chức tín dụng. Qua đó, việc định hướng dòng vốn của nhà đầu tư cá nhân trong nước thông qua đại diện là các tổ chức đầu tư chuyên nghiệp sẽ là một giải pháp hạn chế rủi ro trước các doanh nghiệp có lịch sử hoạt động không rõ ràng hoặc kết quả kinh doanh yếu kém.
- **Áp lực nợ trái phiếu sau thời gian ân hạn của Nghị định 08/2023/NĐ-CP.** Dù tỉ lệ trái phiếu chậm trả trên tổng dư nợ trái phiếu đã dần ổn định ở ba tháng gần nhất nhưng đồng thời chúng tôi cho rằng đây vẫn là yếu tố cần phải theo dõi trong năm 2025. Tại đây, chúng tôi cho rằng phần lớn lượng trái phiếu chậm trả đã tăng mạnh trong giai đoạn tháng 9/2022 kéo dài đến tháng 6/2023 dự kiến sẽ quay trở lại và gây áp lực với các tổ chức phát hành trong bối cảnh thời gian gia hạn bình quân chỉ kéo dài từ khoảng 22 tháng đến tối đa 24 tháng theo Nghị định 08/2023/NĐ-CP. Trong trường hợp tích cực, chúng tôi kỳ vọng các sửa đổi luật từ bộ ba luật liên quan đến bất động sản được áp dụng sớm kể từ tháng 8/2024 sẽ giải quyết các khó khăn về pháp lý đối với các dự án đang dở của các nhà phát triển bất động sản cũng như thị trường sẽ có những dấu hiệu khởi sắc đầu tiên với sự hỗ trợ đến từ các kỳ vọng xoay quanh sự phục hồi của hoạt động tiêu dùng và sản xuất nội địa trong năm 2025.

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 07/02/2025. Vòng tròn bên trong thể hiện giá trị phát hành năm 2023, trong khi vòng tròn bên ngoài biểu thị dữ liệu năm 2024.

### ③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

#### Tổng quan thị trường trái phiếu doanh nghiệp: Tháng 1/2025

- **Phát hành mới:** Hơn 70 đợt phát hành đã được công bố tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) trong suốt tháng 12/2024 và tháng 1/2025 với tổng giá trị huy động đạt 79 nghìn tỷ đồng, so với mức 35 nghìn tỷ đồng của tháng 11/2024.
  - Nhóm bất động sản chiếm khoảng 45% tổng giá trị phát hành, dẫn đầu bởi doanh nghiệp đầu ngành Vinhomes (10,5 nghìn tỷ đồng), cùng với những đóng góp đáng kể từ CTCP Đầu tư và Phát triển NEWCO (6,9 nghìn tỷ đồng), Allgreen - Vượng Thành - Trùng Dương/Tập đoàn TDG (2,27 nghìn tỷ đồng), Bất động sản TCO (2,5 nghìn tỷ đồng), CTCP Đầu tư và Phát triển Kinh doanh Minh An (1 nghìn tỷ đồng), Sacomreal (850 tỷ đồng), và Vạn Hương Investoco (725 tỷ đồng). Lãi suất coupon trung bình là 10,5%, với kỳ hạn từ một đến năm năm, ngoại trừ NEWCO (3% với kỳ hạn 7 năm).
  - Ngành ngân hàng đóng góp khoảng 37% tổng giá trị phát hành. Các tổ chức phát hành hàng đầu bao gồm VIB (6 nghìn tỷ đồng), TPB (5,8 nghìn tỷ đồng), OCB (3,7 nghìn tỷ đồng), HDB (2,35 nghìn tỷ đồng), ABB (2 nghìn tỷ đồng), MSB (2 nghìn tỷ đồng) cùng với PGBank và LPB mỗi ngân hàng huy động 1 nghìn tỷ đồng.
  - Các đợt phát hành còn lại được phân bổ cho nhiều doanh nghiệp khác nhau, bao gồm Vietjet Air (5 nghìn tỷ đồng), HDBank AMC (2 nghìn tỷ đồng), Tập đoàn Trường Hải (1,3 nghìn tỷ đồng), và Công ty TNHH Năng Lượng Tái Tạo (1 nghìn tỷ đồng).
- **Mua lại trước hạn:** HNX đã ghi nhận hơn 250 giao dịch mua lại trước hạn với tổng giá trị 52 nghìn tỷ đồng từ tháng 12 đến ngày 10/02. Ngành ngân hàng tiếp tục chiếm ưu thế với hơn 70% tổng giá trị mua lại trước hạn, xấp xỉ 37 nghìn tỷ đồng. Các tổ chức đóng góp chính bao gồm TPB (7,4 nghìn tỷ đồng), OCB (7 nghìn tỷ đồng), LPB (6,75 nghìn tỷ đồng), và TCB (6 nghìn tỷ đồng) và ABB (3 nghìn tỷ đồng). Trong khi đó, lĩnh vực bất động sản ghi nhận các khoản mua lại trước hạn đáng kể từ hai doanh nghiệp hàng đầu: Vinpearl (10,6 nghìn tỷ đồng) và NVL (6.660 tỷ đồng).
  - Vào ngày 27/12/2024, Novaland công bố ý định mua lại trước hạn lên tới 7 nghìn tỷ đồng trên 21 lô trái phiếu phát hành năm 2020. Tính đến ngày 24/01/2025, tập đoàn đã mua lại thành công gần 6,7 nghìn tỷ đồng, cho thấy động lực tích cực trong các sáng kiến tái cơ cấu và triển vọng tài chính tương lai.
- **Lịch đáo hạn:**
  - Tổng cộng 117 trái phiếu từ 17 tổ chức phát hành khác nhau dự kiến đáo hạn vào tháng 2 và tháng 3/2025, với tổng mệnh giá 16,5 nghìn tỷ đồng. Cơ cấu đáo hạn chủ yếu tập trung vào các doanh nghiệp bất động sản (11,8 nghìn tỷ đồng), tiếp theo là sản xuất (3,5 nghìn tỷ đồng), các lĩnh vực khác (656 tỷ đồng), và thương mại và dịch vụ (102 tỷ đồng).
  - Các khoản đáo hạn đáng chú ý sắp tới bao gồm Bất động sản TNR Holdings Việt Nam (3,8 nghìn tỷ đồng), Vinfast (3,5 nghìn tỷ đồng), CTCP Đầu tư Vast King ( 2,3 nghìn tỷ đồng), CTCP Vận tải và Bất động sản Tân Liên Phát Tân Cảng (2 nghìn tỷ đồng), NVL (1.089 tỷ đồng), và CTCP Đầu tư và Cho thuê Tài sản TNL (998 tỷ đồng). Đáng chú ý, phần lớn trái phiếu do TNR Holdings và CTCP Đầu tư và Cho thuê Tài sản TNL phát hành đã đàm phán thành công việc gia hạn thanh toán với trái chủ theo Nghị định 08/2023/NĐ-CP.

### ③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

Danh sách trái phiếu được phát hành trong tháng 12 thông qua phát hành riêng lẻ						
Ngành	Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%pa)	Giá trị huy động (tỷ đồng)
Bất động sản	BCMHH2428006	Tổng Công Ty Đầu Tư Và Phát Triển Công Nghiệp – CTCP (HOSE: BCM)	2/12/2024	2/12/2028	10,7	1.080
Tổ chức tín dụng	BABL2427010	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Bắc Á (HNX: BAB)	2/12/2024	2/12/2027	5,2	500
Bất động sản	AVTCH2429001	Công Ty TNHH Allgreen - Vượng Thành - Trùng Dương	2/12/2024	2/12/2029	12	1.735
Tổ chức tín dụng	CTGL2432016	Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam (HOSE: CTG)	3/12/2024	3/12/2032	5,78	920
Lĩnh vực khác	IPAH2429005	CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A (HNX: IPA)	4/12/2024	4/12/2029	9,5	550
Tổ chức tín dụng	VIBL2427008	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (HOSE: VIB)	4/12/2024	4/12/2027	5,3	2.000
Tổ chức tín dụng	TPBL2427028	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong (HOSE: TPB)	4/12/2024	4/12/2027	5,3	1.000
Tổ chức tín dụng	MSFCLH2426003	Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei	5/12/2024	5/12/2026	6,7	130
Sản xuất	ECFCH2425001	CTCP Công Nghệ Tài Chính Encapital	5/12/2024	5/12/2025	9	100
Thương mại, dịch vụ	F88CH2425008	Công ty cổ phần kinh doanh F88	5/12/2024	5/12/2025	10,5	50
Xây dựng	BHDCH2429001	Công ty cổ phần Huy Dương Group	9/12/2024	9/12/2029	12,5	900
Tổ chức tín dụng	OCBL2427022	Ngân hàng TMCP Phương Đông (HOSE: OCB)	10/12/2024	10/12/2027	5,5	700
Tổ chức tín dụng	TPBL2434030	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong (HOSE: TPB)	10/12/2024	10/12/2034	7,08	67
Tổ chức tín dụng	TPBL2434029	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong (HOSE: TPB)	10/12/2024	10/12/2034	7	200
Tổ chức tín dụng	OCBL2427023	Ngân hàng TMCP Phương Đông (HOSE: OCB)	11/12/2024	11/12/2027	5,5	1.000
Lĩnh vực khác	VJCH2429006	CTCP Hàng Không Vietjet (HOSE: VJC)	11/12/2024	11/12/2029	11	3.000
Tổ chức tín dụng	OCBL2427024	Ngân hàng TMCP Phương Đông (HOSE: OCB)	12/12/2024	12/12/2027	5,6	2.000
Tổ chức tín dụng	TPBL2434031	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong (HOSE: TPB)	12/12/2024	12/12/2034	6,2	50
Sản xuất	SBTB2427001	Công ty cổ phần Thành Thành công - Biên Hòa (HOST: SBT)	13/12/2024	13/12/2027	10,17	700
Tổ chức tín dụng	VIBL2427009	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (HOSE: VIB)	13/12/2024	13/12/2027	5,3	2.000
Tổ chức tín dụng	MSFCLH2426004	Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei	13/12/2024	13/12/2026	6,7	400
Tổ chức tín dụng	ABBL2426003	Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK) (UPCOM: ABB)	16/12/2024	16/12/2026	5,7	1.600
Bất động sản	VHMB2427009	CTCP Vinhomes (HOSE: VHM)	17/12/2024	17/12/2027	12	4.000
Tổ chức tín dụng	MSFCLH2426005	Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei	17/12/2024	17/12/2026	6,7	500
Tổ chức tín dụng	TPBL2434032	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong (HOSE: TPB)	17/12/2024	17/12/2034	7,08	88

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,  
Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 07/02/2025

### ③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

Danh sách trái phiếu được phát hành trong tháng 12 thông qua phát hành riêng lẻ						
Ngành	Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%pa)	Giá trị huy động (tỷ đồng)
Tổ chức tín dụng	MBBL2432022	Ngân Hàng TMCP Quân Đội (HOSE: MBB)	17/12/2024	17/12/2032	6,4	1.000
Tổ chức tín dụng	ACBL2429016	Ngân hàng TMCP Á Châu (HOSE: ACB)	18/12/2024	18/12/2029	6,1	250
Tổ chức tín dụng	VIBL2431010	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (HOSE: VIB)	18/12/2024	18/12/2031	7,48	2.000
Tổ chức tín dụng	TPBL2434033	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong (HOSE: TPB)	18/12/2024	18/12/2034	7	110
Bất động sản	NEWCB2429003	CTCP Đầu Tư Và Phát Triển NEWCO	19/12/2024	19/12/2029	9	2.000
Bất động sản	NEWCB2427002	CTCP Đầu Tư Và Phát Triển NEWCO	19/12/2024	19/12/2027	9	3.400
Bất động sản	NEWCB2425001	CTCP Đầu Tư Và Phát Triển NEWCO	19/12/2024	19/12/2025	9	1.500
Tổ chức tín dụng	TPBL2427034	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong (HOSE: TPB)	19/12/2024	19/12/2027	5,6	1.000
Tổ chức tín dụng	MBBL2431023	Ngân Hàng TMCP Quân Đội (HOSE: MBB)	19/12/2024	19/12/2031	5,5	50
Tổ chức tín dụng	MSBL2427012	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (HOSE: MSB)	20/12/2024	20/12/2027	5,6	1.000
Tổ chức tín dụng	TPBL2434036	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong (HOSE: TPB)	20/12/2024	20/12/2034	7	196
Tổ chức tín dụng	TPBL2434038	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong (HOSE: TPB)	20/12/2024	20/12/2034	7,08	67
Tổ chức tín dụng	TPBL2427035	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong (HOSE: TPB)	20/12/2024	20/12/2027	5,8	2.000
Tổ chức tín dụng	MBBL2431024	Ngân Hàng TMCP Quân Đội (HOSE: MBB)	20/12/2024	20/12/2031	6,68	100
Tổ chức tín dụng	HDBL2426026	NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh ( HDBANK)	20/12/2024	20/12/2026	10,5	850
Tổ chức tín dụng	TPBL2427037	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong (HOSE: TPB)	20/12/2024	20/12/2027	13,5	1.000
Tổ chức tín dụng	MBBL2432025	Ngân Hàng TMCP Quân Đội (HOSE: MBB)	20/12/2024	20/12/2032	8,5	300
Tổ chức tín dụng	MSBL2427013	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (HOSE: MSB)	23/12/2024	23/12/2027	5,6	1.000
Tổ chức tín dụng	MBBL2432027	Ngân Hàng TMCP Quân Đội (HOSE: MBB)	23/12/2024	23/12/2032	6,28	700
Bất động sản	ATHCB2431001	Công Ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp An Thịnh	23/12/2024	23/12/2031	3	7.000
Tổ chức tín dụng	TCBL2429017	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (HOSE: TCB)	24/12/2024	24/12/2029	6	450
Thương mại, dịch vụ	HUTB2427001	CTCP Tasco (HNX: HUT)	24/12/2024	24/12/2027	10,5	500
Tổ chức tín dụng	LPBL2427009	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam	24/12/2024	24/12/2027	5,6	1.000
Tổ chức tín dụng	VABLH2431002	Ngân Hàng TMCP Việt Á (UPCOM: VAB)	24/12/2024	24/12/2031	10,5	270
Bất động sản	MANCB2426001	CTCP Phát Triển Và Đầu Tư Kinh Doanh Minh An	24/12/2024	24/6/2026	10,5	1.000

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,  
 Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 07/02/2025

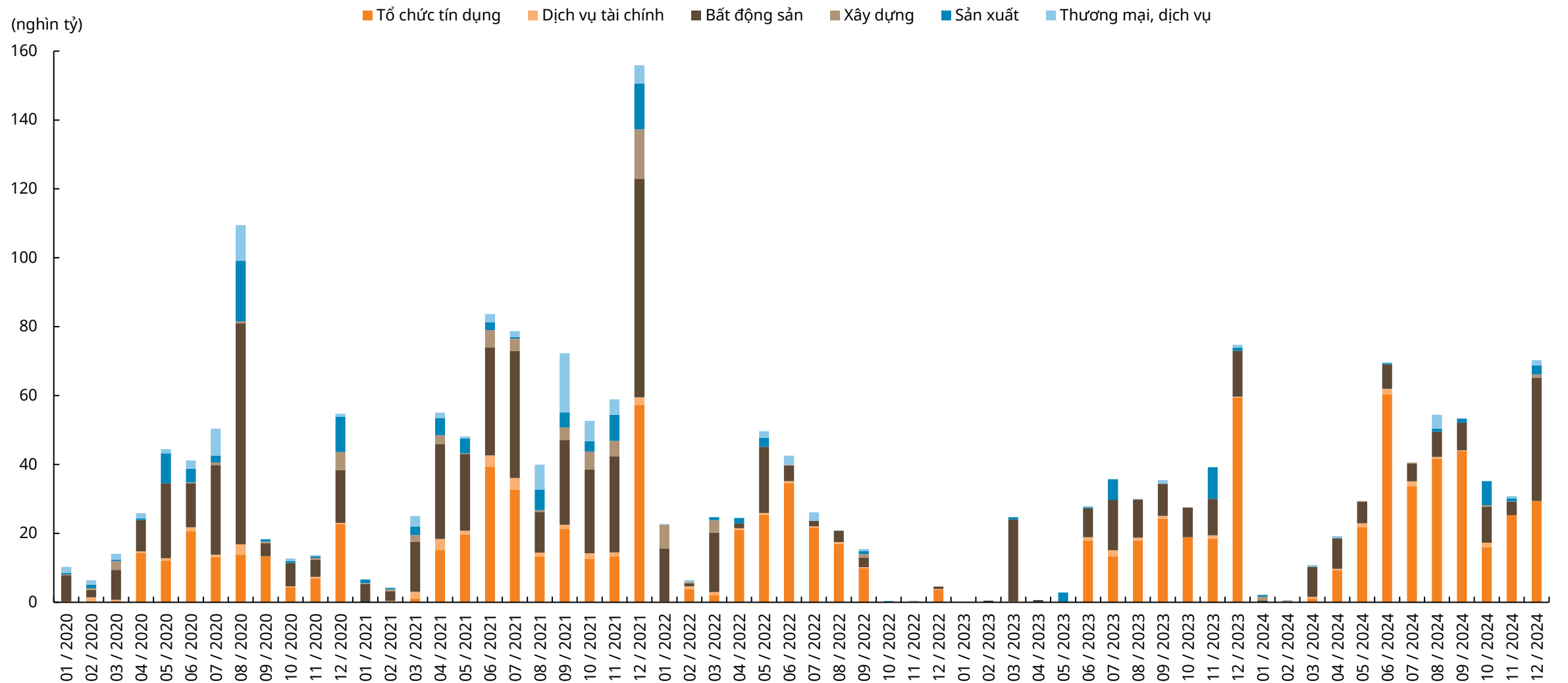
### ③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

Danh sách trái phiếu được phát hành trong tháng 12 thông qua phát hành riêng lẻ						
Ngành	Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%pa)	Giá trị huy động (tỷ đồng)
Bất động sản	PTJCB2425001	Công ty Cổ phần Phú Thọ Land	24/12/2024	24/12/2025	12	950
Tổ chức tín dụng	ABBL2426004	Ngân hàng TMCP An Bình (ABBank) (UPCOM: ABB)	24/12/2024	24/12/2026	6,3	400
Lĩnh vực khác	RECCH2425001	Công ty TNHH Năng lượng tái tạo	24/12/2024	24/12/2025	10	1.000
Tổ chức tín dụng	HDBL2427028	NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBANK)	24/12/2024	24/12/2027	11	1.000
Tổ chức tín dụng	HDBL2431029	NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBANK)	24/12/2024	24/12/2031	8,5	500
Bất động sản	AVTCH2429002	Công Ty TNHH Allgreen - Vượng Thành - Trùng Dương	25/12/2024	25/12/2029	6	535
Thương mại, dịch vụ	F88CH2425009	Công ty cổ phần kinh doanh F88	26/12/2024	26/12/2025	10,5	150
Bất động sản	THBCH2429002	Công Ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Thiên Hà- Băng Dương	26/12/2024	26/12/2029	5,7	1.100
Lĩnh vực khác	TN1H2427001	Công ty cổ phần ROX KEY HOLDINGS	27/12/2024	27/12/2027	9,8	200
Lĩnh vực khác	VJCH2429007	CTCP Hàng Không Vietjet (HOSE: VJC)	28/12/2024	28/12/2029	11	2.000
Sản xuất	VIF12403	CTCP Sản Xuất Và Kinh Doanh Vinfast	30/12/2024	30/12/2026	9,6	500
Tổ chức tín dụng	PGB12401	Ngân hàng Thương mại cổ phần Thịnh vượng và Phát triển (UPCOM: PGB)	30/12/2024	30/12/2026	10	1.000
Bất động sản	VPIH2427002	CTCP Đầu tư Văn Phú – Invest (HOSEI VPI)	30/12/2024	30/12/2027	5,8	250
Bất động sản	SCR12401	CTCP địa ốc Sài Gòn thương tín	30/12/2024	30/12/2029	12	850
Bất động sản	VHM12410	CTCP Vinhomes (HOSE: VHM)	30/12/2024	30/12/2027	5,7	6.500
Bất động sản	SGX12401	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sài Gòn Xanh	31/12/2024	31/12/2029	12,5	350
Bất động sản	CSPCH2429001	Công ty TNHH Công Nghiệp - Bất Động Sản và Xây Dựng Song Phương	31/12/2024	31/12/2029	12	360
Thương mại, dịch vụ	FSP12401	Công Ty TNHH Dịch Vụ Du Lịch Cáp Treo Fansipan Sapa	31/12/2024	31/12/2029	5,8	880
Bất động sản	TOC32401	Công ty cổ phần Tư vấn và Kinh doanh bất động sản TCO	31/12/2024	31/12/2025	9,6	2.500
Lĩnh vực khác	ENC12401	CTCP DK ENC Việt Nam	31/12/2024	31/12/2031	10	350
Sản xuất	TCOCH2429001	CTCP Tập Đoàn Trường Hải	31/12/2024	31/12/2029	5,6	1.300
Lĩnh vực khác	HDQ12402	Công ty Cổ phần Mua bán nợ và Quản lý Tài sản HDBank	31/12/2024	31/12/2029	6,3	2.000

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,  
Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 07/02/2025

### ③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

Giá trị trái phiếu phát hành thông qua phát hành riêng lẻ theo ngành

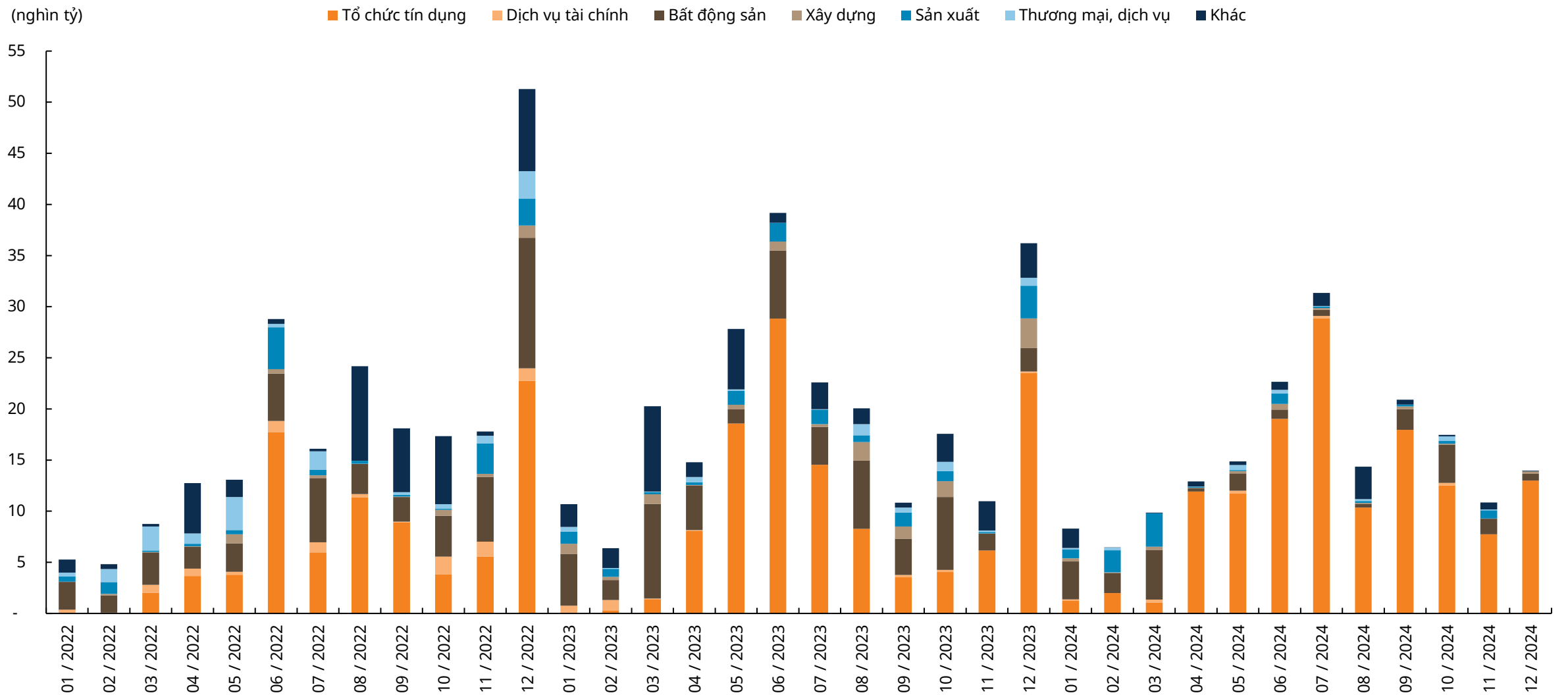


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,  
Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 07/02/2025



### ③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

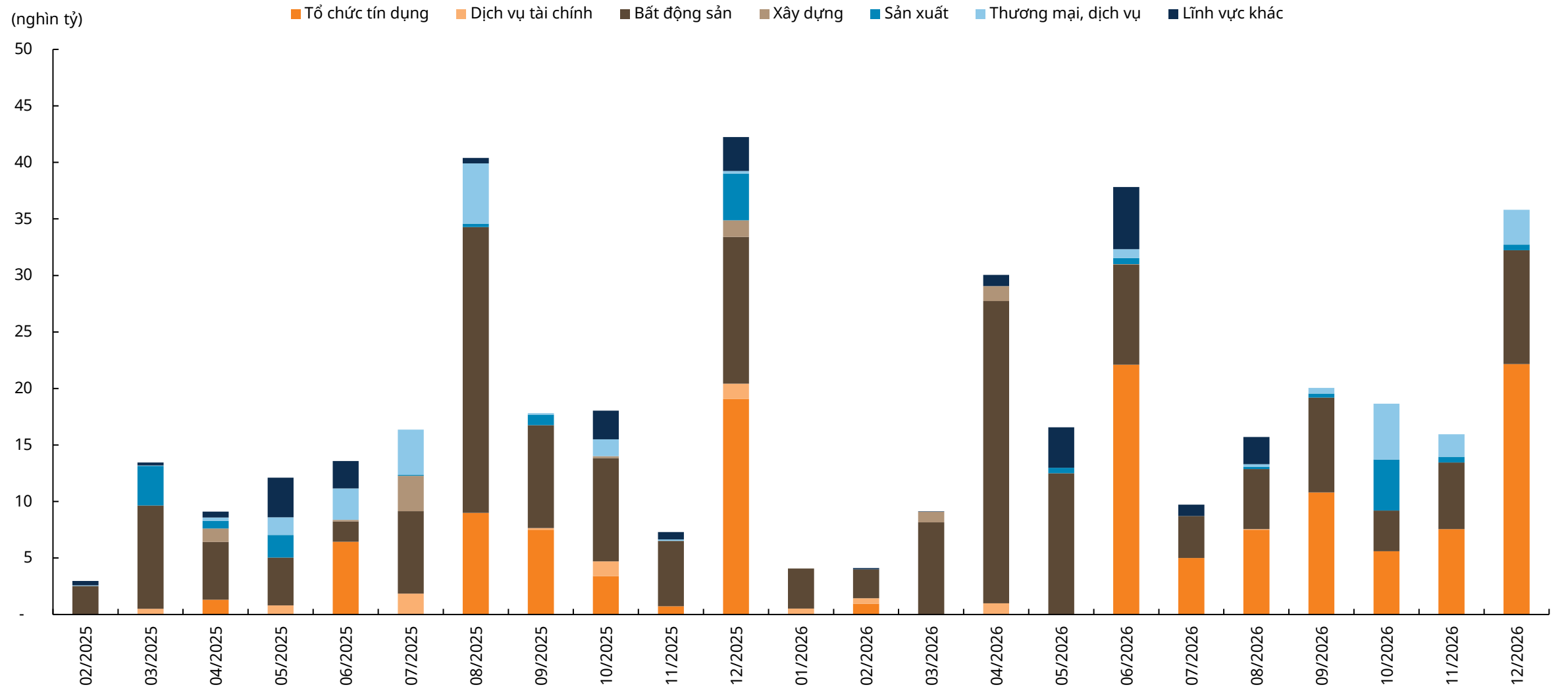
Tổng giá trị mua lại trước hạn đối với trái phiếu doanh nghiệp theo từng ngành



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,  
Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 07/02/2025

### ③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

Lịch đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp theo ngành



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,  
Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 07/12/2024

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

Danh sách các tổ chức phát hành có trái phiếu đáo hạn trong năm 2025									
Ngành	Tổ chức phát hành	Tổng giá trị TP của TCPH (tỷ đồng)	Tổng giá trị TP đáo hạn 2025 (tỷ đồng)	Chậm trả gốc/lãi	Gia hạn kỳ hạn	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	Báo cáo tài chính gần nhất
Bất động sản	CTCP Vinhomes (HOSE: VHM) (HOSE: VHM)	38.160	9.000	Không	Không	14.104	220.443	0,37	4Q24
	CTCP Đầu Tư Quang Thuận	6.000	6.000	2024-03-01	Không	-339	1.374	6,46	1H24
	CTCP Bất động sản Hano-vid	8.466	5.466	Không		40,5	5.277	4,42	1H24
	Công ty TNHH Saigon Glory	4.754	4.754	2024-02-07	2024-02-07	-152	6.847	3,99	2022
	CTCP đầu tư phát triển bất động sản TNR Holdings Việt Nam	6.525	6.125	2024-12-24	2024-12-24	5.6	2.593	11,06	1H24
	CTCP Hoàng Phú Vương	4.670	4.670			Không có thông tin			
	CTCP Bất Động Sản Mỹ	4.057	4.057	Không	Không	108,6	3.263	6,25	1H24
	CTCP Đầu tư Sun Valley	3.560	3.560			Không có thông tin			
	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển bất động sản Phát Đạt	3.490	3.490			Không có thông tin			
	Công ty TNHH Một thành viên Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	3.000	3.000	2024-03-01	Không	-115	-454	-10,67	1H24
	CTCP Địa Ốc Phú Long	4.600	2.600	Không	2023-10-13	877	20.671	2,57	1H24
	CTCP Trung Nam	2.500	2.500	Không	Không	-2,9	1.590	5,13	2022
	CTCP đầu tư và cho thuê tài sản TNL	2.581	2.581	2024-12-11	2024-12-11	0,4	906	5,01	1H24
	CTCP Đầu tư Vast King	2.260	2.260			Không có thông tin			
	CTCP Sunshine AM	4.400	2.000	Không	Không	2,6	2.058	2,34	1H24
	CTCP Dịch vụ - Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	2.000	2.000	2024-09-05	Không	-114	295	11,84	1H24
	CTCP Tiếp Vận Và Bất Động Sản Tân Liên Phát Tân Cảng	4.000	2.000	Không	Không	-4,4	1.125	3,92	1H24
	Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Bất Động Sản Trường Lộc	1.910	1,910			Không có thông tin			
	Công ty TNHH Đầu tư Big Gain	1.900	1,900	2024-07-30	Không	281	7.944	0,68	1H24
	Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng	9.021	1,856	Không	Không	1.367	12.655	1,77	1H24
	Công Ty TNHH Nam Rạch Chiếc	2.000	1,300	Không	2024-11-22	-15	613	3,79	1H24
	Công Ty TNHH Thành Phố Aqua	1.300	1,300	2024-06-22	2024-06-14	-100	1.030	10,95	1H24
	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Hải Đăng	5.350	1,300	Không	Không	12	5.272	0,58	1H24
	CTCP Kinh Doanh Nhà Sunshine	2.498	1.298	2024-05-13	2024-04-12	5,7	1.674	3,29	1H24
	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova (HOSE: NVL)	1.089	1.089	2024-12-06	2024-06-14	26	47.708	1,3	4Q24

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX và FiinPro, cập nhật tới 07/02/2025. Số liệu tài chính đối với các doanh nghiệp niêm yết được tham khảo từ FiinPro trong khi số liệu tài chính của các doanh nghiệp tư nhân được cập nhật gần nhất tại <http://cbonds.hnx.vn/>

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

Danh sách các tổ chức phát hành có trái phiếu đáo hạn trong năm 2025									
Ngành	Tổ chức phát hành	Tổng giá trị TP của TCPH (tỷ đồng)	Tổng giá trị TP đáo hạn 2025 (tỷ đồng)	Chậm trả gốc/lãi	Gia hạn kỳ hạn	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	Báo cáo tài chính gần nhất
Bất động sản	CTCP Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền (HOSE: KDH)	800	800	No	Không	66	18.883	0,67	4Q24
	CTCP Hội An Invest	750	750	Không	Không	185	2.687	0,39	2023
	CTCP Hưng Thịnh Land	4.000	700	2024-12-24	Không	-538	18.284	3,42	1H2024
	CTCP Kinh Doanh Và Phát Triển Bình Dương (HOSE: TDC)	700	700	2024-05-21	Không	54	893	2,93	4Q24
	CTCP Đầu Tư Việt Tâm	680	680	2023-04-03	2024-07-18	-7,6	998	1,4	1H2024
	CTCP Đầu tư Nam Long (HOSE: NLG)	4.660	660	Không	Không	-40	13.244	1,25	4Q24
	CTCP GOTECH LAND	600	600	Không có thông tin					
	CTCP Đầu Tư Hải Phát (HOSE: HPX)	800	500	2023-06-30	2024-10-17	12	3.634	1,23	4Q24
	CTCP Phát Triển Hạ Tầng Kỹ Thuật (HOSE: IJC)	500	500	Không	Không	87	5.018	0,58	4Q24
	Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	468	468	Không	Không	-51	-169	-18,51	1H2024
	Công ty TNHH Đầu tư và Bất động sản Diên Vĩ	300	300	2024-01-04	Không	-73	1.240	1,36	1H2024
	CTCP Đầu tư Bất động sản Taseco (UPCOM: TAL)	280	280	Không	Không	185	3.711	1,54	4Q24
	Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	259,2	259,2	Không có thông tin					
	CTCP Khách Sạn Vịnh Hạ Long	250	250	Không	Không	-0,9	143	6,81	1H2024
	CTCP Đầu Tư Địa Ốc Không Va	580	245	2024-03-05	2024-06-26	-28	6.805	1,33	1H2024
	CTCP Đầu tư Văn Phú – Invest (HOSE: VPI)	640,8	240,8	Không	Không	110	4.174	1,7	4Q24
	CTCP Tập Đoàn Đất Xanh (HOSE: DXG)	200	200	Không	Không	73	15.635	0,84	4Q24
	Công ty TNHH Vịnh Ngôi Sao	490	200	Không	Không	-63	4.368	1,46	1H2024
	CTCP Tập Đoàn Taseco	195	195	Không	Không	239	4.074	1,62	1H2024
	CTCP Hưng Thịnh Investment	161,75	161,8	2024-01-17	Không	-210	2.322	3,35	1H2024
	CTCP Điện Biên	130	130	Không	Không	1,2	53	3,9	1H2024
	Công ty TNHH Bất động sản Gia Phú	125	125	2023-05-13	2023-09-13	-101	-12	N/A	1H2024
	CTCP Tonkin Land	22	22	2024-11-06	Không	-8	217	5,1	1H2024
Tổ chức tín dụng	Ngân hàng TMCP Á Châu (HOSE: ACB)	45.720	18.400	Không	Không	4.545	83.462	N/A	4Q24
	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – HDBANK (HOSE: HDB)	51.502	7.102	Không	Không	3.237	56.658	N/A	4Q24

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX và FiinPro, cập nhật tới 07/02/2025. Số liệu tài chính đối với các doanh nghiệp niêm yết được tham khảo từ FiinPro trong khi số liệu tài chính của các doanh nghiệp tư nhân được cập nhật gần nhất tại <http://cbonds.hnx.vn/>

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

Danh sách các tổ chức phát hành có trái phiếu đáo hạn trong năm 2025									
Ngành	Tổ chức phát hành	Tổng giá trị TP của TCPH (tỷ đồng)	Tổng giá trị TP đáo hạn 2025 (tỷ đồng)	Chậm trả gốc/lãi	Gia hạn kỳ hạn	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	Báo cáo tài chính gần nhất
Tổ chức tín dụng	Ngân hàng TMCP Phương Đông (HOSE: OCB)	36.635	6.135	Không	Không	1.156	31.672	N/A	4Q24
	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (HOSE: LPB)	22.660	5.250	Không	Không	2.670	43.338	N/A	4Q24
	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (HOSE: CTG)	34.860	4.500	Không	Không	9.871	149.944	N/A	4Q24
	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (HOSE: TCB)	42.090	4.000	Không	Không	3.420	147.940	N/A	4Q24
	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (HOSE: MSB)	16.800	1.000	Không	Không	1.617	36.818	N/A	4Q24
	Ngân Hàng TMCP Quân Đội (HOSE: MBB)	29.510	440	Không	Không	5.843	110.023	N/A	4Q24
	Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei	600	300	Không	Không	43	3.038	8,19	1H24
	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (HOSE: VCB)	11.605	300	Không	Không	8.565	198.956	N/A	4Q24
Thương mại, dịch vụ	CTCP Tập đoàn Sovico	9.600	9.600	Không	2023-09-27	1.799	70.049	1,69	1H24
	CTCP Sovico	8.000	3.000	Không	2023-09-26	655	10.733	0,85	1H24
	CTCP Y Khoa Hoàn Mỹ	1.400	1.400	Không	Không	633	2.004	2,06	2023
	CTCP Đầu Tư Đường Mặt Trời	670	670	Không	Không	89	1.519	1,96	1H24
	CTCP Kinh Doanh F88	450	450	Không	Không	49,7	482	2,98	1H24
	CTCP Tập đoàn ASG	300	300	Không	Không	12,8	1.877	0,64	1H24
	CTCP Truyền thông và Giải trí Galaxy	200	200	2023-01-19	2023-05-18	-16,6	1,8	759,25	1H24
	Công Ty TNHH May Thêu Giày An Phước	200	200	Không có thông tin					
	CTCP CVS Holding	106	106	Không	Không	-97	185	2,86	2023
	Công Ty TNHH Citylab	103,6	103,6	Không	Không	-2,9	-121	1,05	1H24
	CTCP Phân Phối HDE	45	45	Không	Không	0,16	249	0,53	1H24
Sản xuất	CTCP Sản Xuất Và Kinh Doanh Vinfast	12.620	6.120	Không	Không	-9.068	8.457	23,07	1H24
	CTCP Tập Đoàn Trường Hải	11.980	2.000	Không	Không	1.076	50.095	2,29	1H24
	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	2.000	2.000	Không	Không	6.329	48.818	1,34	2023
	CTCP In và Bao bì Goldsun	968,2	728,2	2024-04-29	Không	39	630	3,65	1H24
	CTCP Phong Điện Chợ Long	1.030	310	2023-03-22	Không	82	1.400	3,82	1H24
	CTCP CMC (HOSE: CVT)	500	300	Không	Không	-6	971	1,77	4Q24

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX và FiinPro, cập nhật tới 07/02/2025. Số liệu tài chính đối với các doanh nghiệp niêm yết được tham khảo từ FiinPro trong khi số liệu tài chính của các doanh nghiệp tư nhân được cập nhật gần nhất tại <http://cbonds.hnx.vn/>

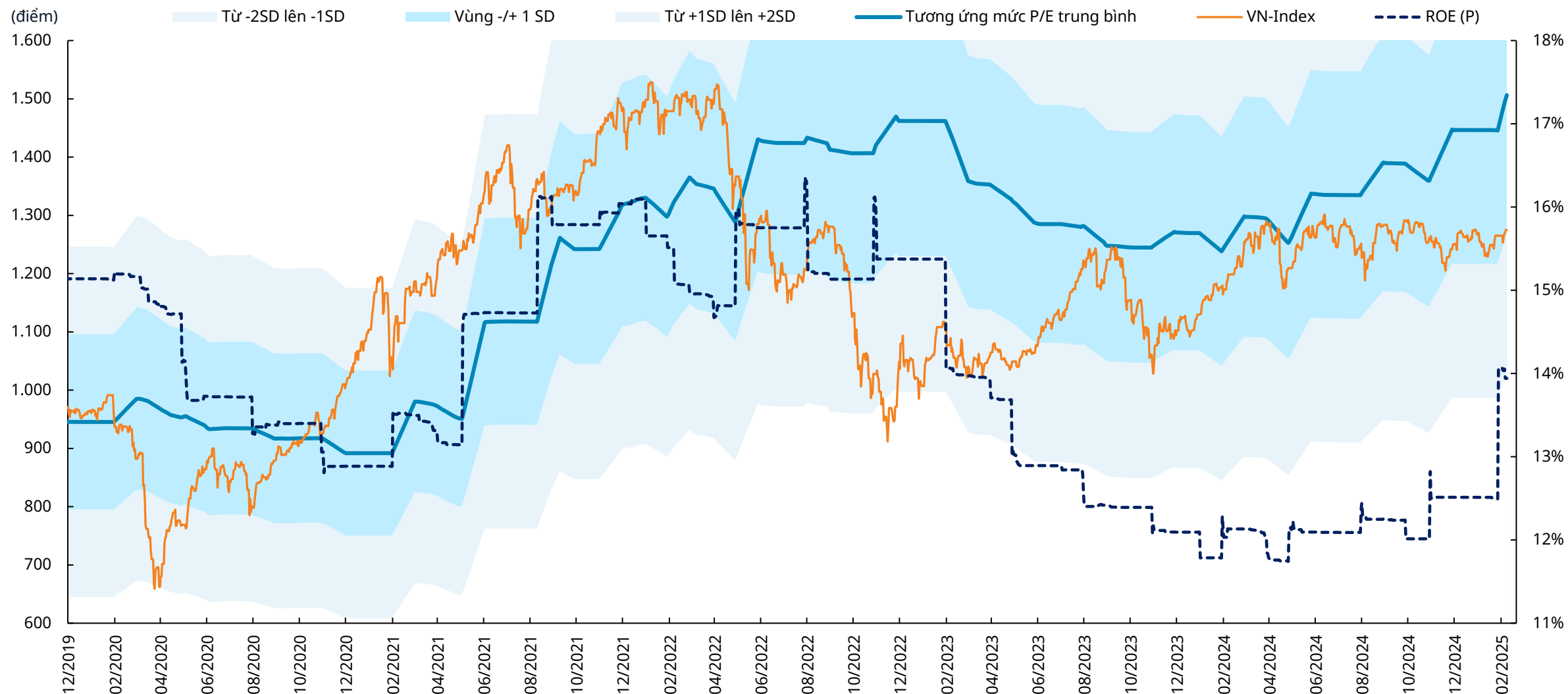
③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

Danh sách các tổ chức phát hành có trái phiếu đáo hạn trong năm 2025									
Ngành	Tổ chức phát hành	Tổng giá trị TP của TCPH (tỷ đồng)	Tổng giá trị TP đáo hạn 2025 (tỷ đồng)	Chậm trả gốc/lãi	Gia hạn kỳ hạn	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	Báo cáo tài chính gần nhất
Sản xuất	CTCP Sông Ba (HOSE: SBA)	30	30	Không	Không	45	979	0,08	4Q24
	CTCP Thương mại Dịch vụ Nhựa bao bì Kiến Đức	20	20	Không	Không	2,16	77	3,3	1H24
Xây dựng	CTCP Hoa Phú Thịnh	3.130	3.130	Không có thông tin					
	CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG	1.483	1.483	Không	2023-06-12	29	1.319	2,9	4Q24
	CTCP Đầu Tư Xây Dựng Xuân Đỉnh	3.227	1.100	Không	2023-12-12	158,8	2.961	1,42	1H24
	CTCP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản S-Homes	173,5	173,5	2023-09-13	2023-10-06	11	16.595	0,42	1H24
	CTCP Đầu tư Phan Vũ	260	150	Không	Không	-32	1.785	1,5	1H24
	CTCP FECON (HOSE: FCN)	215,2	95,2	Không	Không	29	3.368	1,15	4Q24
Năng lượng	CTCP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam	2.230	2.230	Không có thông tin					
Lĩnh vực khác	CTCP Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương (HNX: DDG)	3.000	3.000	Không	Không	-223	4.140	1	1H24
	Công ty TNHH Đầu Tư Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp Đức Mai	300	300	2023-11-10	2023-04-25	9	815	0,86	4Q24
	CTCP Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn	1.352	1.352	Không	Không	190	345	15,5	1H24
	CTCP Thương mại sản xuất và Đầu tư Hà Thành	4.900	900	2024-07-05	2024-02-01	-199	79,77	4,86	1H24
	Tổng Công Ty IDICO – CTCP (HNX: IDC)	45	45	Không	Không	0,1	59	7,83	1H24
	CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A (HNX: IPA)	400	400	Không	Không	438	7.208	0,43	4Q24
	Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Quản lý Biển Đông	3.698	400	Không	Không	156	4.506	0,8	4Q24
	CTCP Đầu tư MST (HNX: MST)	1.321	1.321	Không	Không	-73	205	15,99	1H24
	CTCP Pan Farm	120	120	2024-04-21	Không	5	849	0,35	1H24
	CTCP Roman E&C	600	600	Không	Không	49	1.895	0,32	1H24
	CTCP Đầu Tư Thương Mại Sunshine Business	530	530	Không	2023-04-26	0,3	502	1,69	1H24
	CTCP Sunbay Ninh Thuận	95	95	2023-10-23	2023-10-17	-23,7	26,4	49,79	1H24
	CTCP Sunshine Cab	900	200	Không	2024-12-13	-14	746	4,46	1H24
	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đô	450	450	Không	2023-08-24	1,1	201	5,31	1H24
	CTCP Mua Bán Nợ Thế Hệ Mới	40	40	Không	Không	0,2	26	24,29	1H24

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX và FiinPro, cập nhật tới 07/02/2025. Số liệu tài chính đối với các doanh nghiệp niêm yết được tham khảo từ FiinPro trong khi số liệu tài chính của các doanh nghiệp tư nhân được cập nhật gần nhất tại <http://cbonds.hnx.vn/>

## ④ Thị trường chứng khoán Việt Nam

VN-Index phục hồi sau khi thiết lập ngưỡng hỗ trợ vững chắc tại 1.220 điểm



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,  
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 07/02/2025

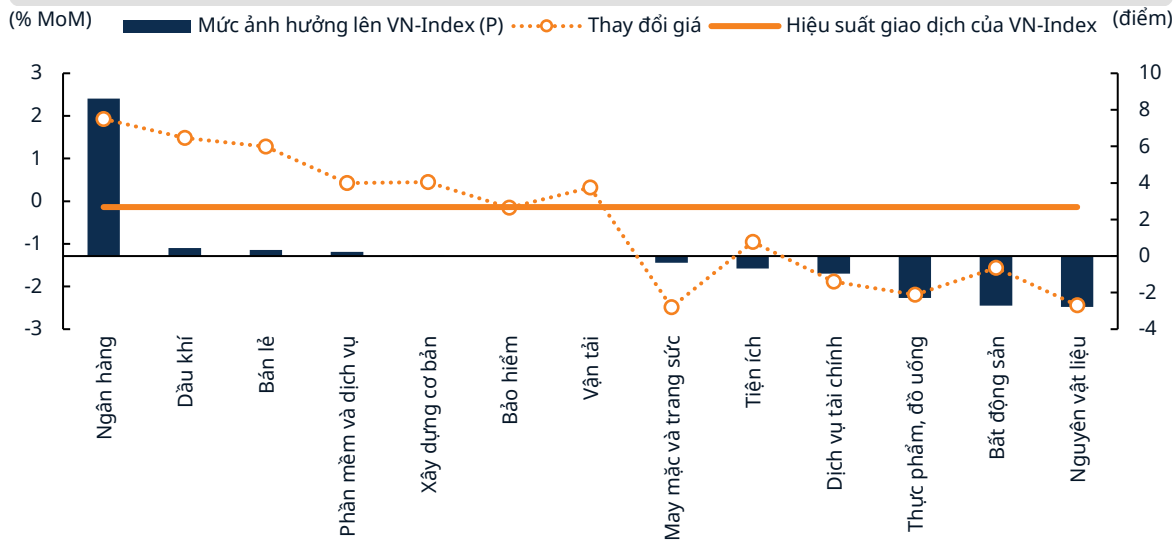


## ④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

### Cổ phiếu Ngân hàng "gánh" thị trường

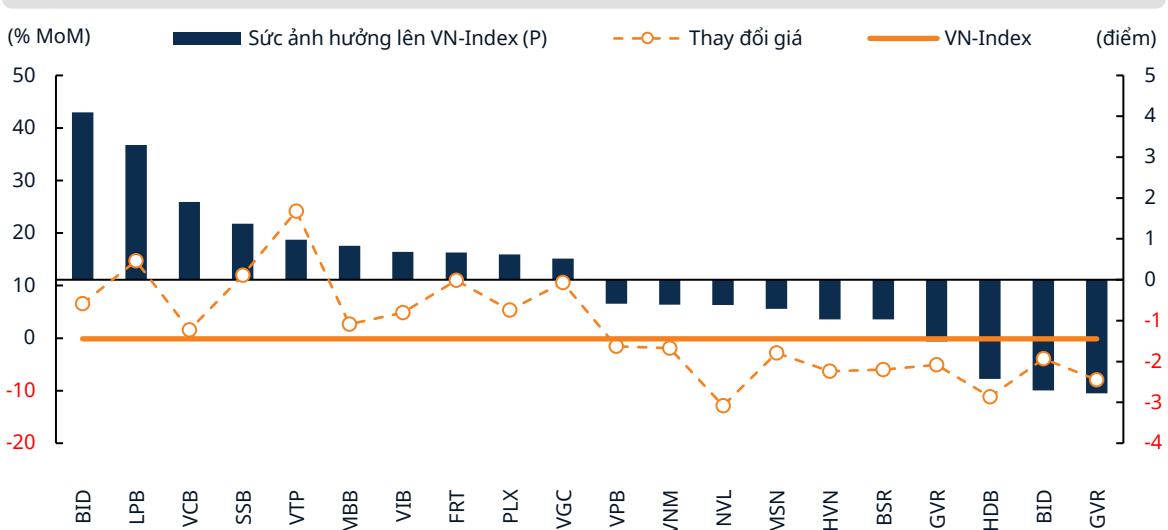
- Thị trường chứng khoán Việt Nam đã thể hiện khả năng phục hồi đáng chú ý trong nửa cuối tháng 1, được hỗ trợ bởi sự giao thoa của bối cảnh vĩ mô ổn định và tâm lý giao dịch được cải thiện, củng cố bởi kết quả kinh doanh Q4 2024 tích cực của các doanh nghiệp niêm yết.
- VN-Index kết thúc phiên giao dịch cuối cùng trước kỳ nghỉ Tết Nguyên đán với mức giảm nhẹ 1,73 điểm, đóng cửa ở mức 1.265,05 điểm, tương đương mức giảm khiêm tốn 0,14% so với tháng trước.** Đáng chú ý, chỉ số sàn HOSE đã thiết lập một ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật mới tại 1.220 điểm trong khi vẫn duy trì đà tăng ba tuần liên tiếp.
- Nhóm Ngân hàng đóng vai trò dẫn dắt và là động lực chính của thị trường trong tháng qua, đóng góp khoảng 9 điểm vào quỹ đạo tăng của chỉ số, góp phần cân bằng áp lực giảm điểm do các nhóm ngành khác tạo ra.

Đánh giá diễn biến tháng 1: VN-Index tiếp đà tăng điểm với Hiệu ứng Tháng Giêng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 24/01/2025.

Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index



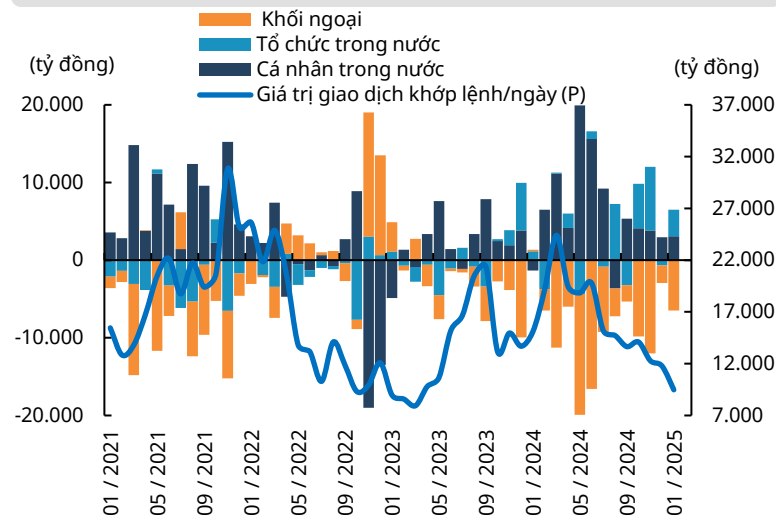
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 24/01/2025.

## ④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

### Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục đứng ngoài thị trường

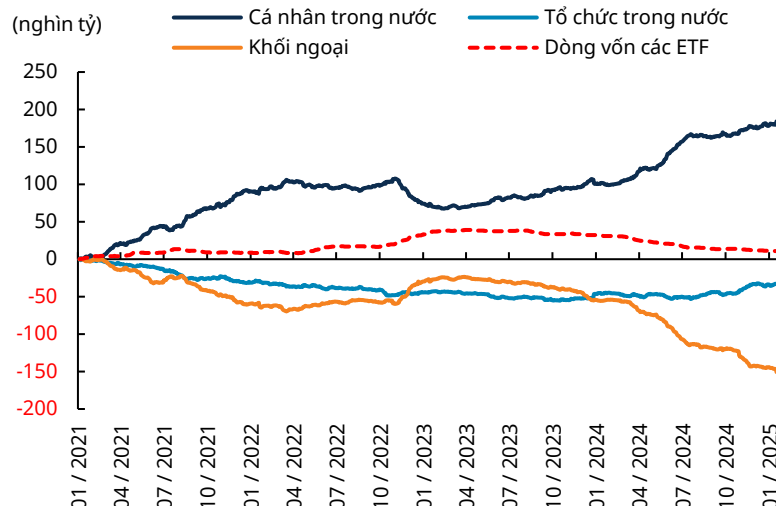
- Hoạt động giao dịch tiếp tục trầm lắng trong tháng 1 với giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân giảm xuống còn 9,5 nghìn tỷ đồng mỗi phiên, tương đương mức giảm 19% so với tháng trước.
- Diễn biến đáng chú ý trong tháng tập trung vào xu hướng giao dịch của nhà đầu tư cá nhân trong nước, khi họ kéo dài chuỗi mua ròng sang tháng thứ năm liên tiếp sau khi giải ngân 3 nghìn tỷ đồng chỉ riêng trong tháng 1. Bên cạnh đó, nhóm nhà đầu tư tổ chức trong nước đồng thời mua ròng 3,4 nghìn tỷ đồng; qua đó gia tăng động lực cân bằng với khối ngoại. Riêng nhóm tự doanh đặc biệt mua ròng 983 tỷ đồng, với phần lớn lượng giải ngân tập trung vào LPB (436 tỷ đồng), MWG (423 tỷ đồng) và CTR (202 tỷ đồng).
- Ngược lại, **các nhà đầu tư nước ngoài duy trì trạng thái bán ròng sau khi thoái vốn 6,5 nghìn tỷ đồng trong tháng 1**. Hoạt động bán ra của họ tập trung chủ yếu vào các cổ phiếu vốn hóa lớn, với dòng tiền rút ra đáng kể từ VIC (2 nghìn tỷ đồng), FPT (1,5 nghìn tỷ đồng), STB (579 tỷ đồng), CTG (424 tỷ đồng) và SSI (365 tỷ đồng). Tâm lý kém khả quan của các nhà đầu tư quốc tế càng được thể hiện rõ trong dòng vốn ETF, với dòng tiền rút ròng đạt 24 triệu USD (tương đương 600 tỷ đồng). Dòng vốn rút ra này chủ yếu đến từ VanEck Vietnam (16,7 triệu USD), DCFVMVN30 (11,8 triệu USD), DCFVMVN Diamond (4,8 triệu USD) và Xtrackers FTSE Vietnam (3,5 triệu USD).

Thanh khoản thị trường và mua/bán ròng theo nhóm NĐT



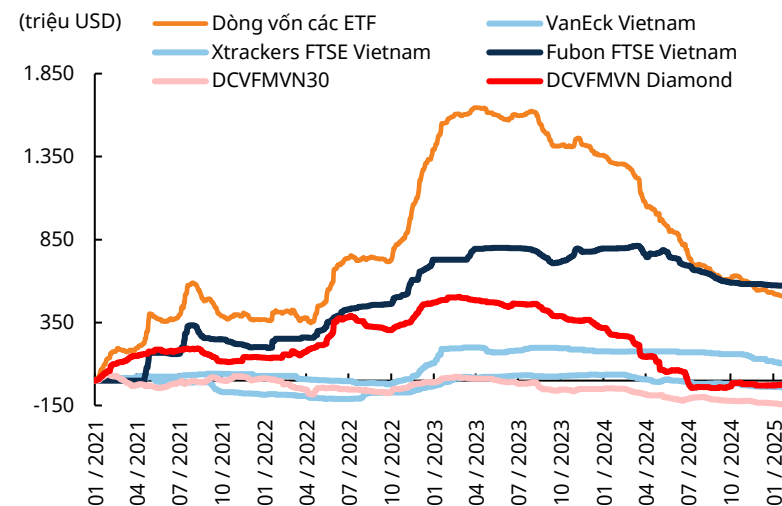
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 24/01/2025.

Lũy kế mức mua/bán ròng từ 2021 theo nhóm nhà đầu tư



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 24/01/2025.

Lũy kế dòng tiền ETF mua/bán ròng từ 2021

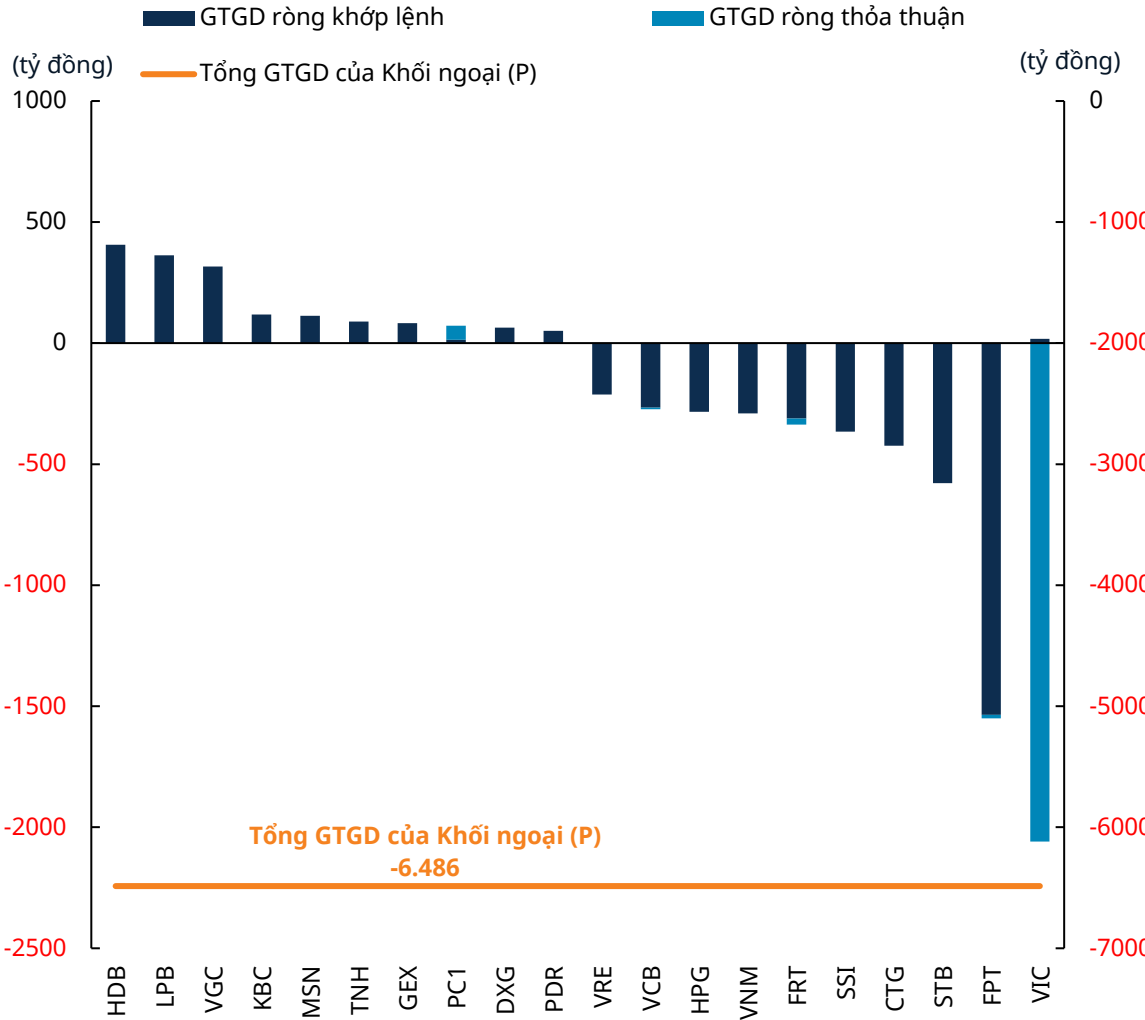
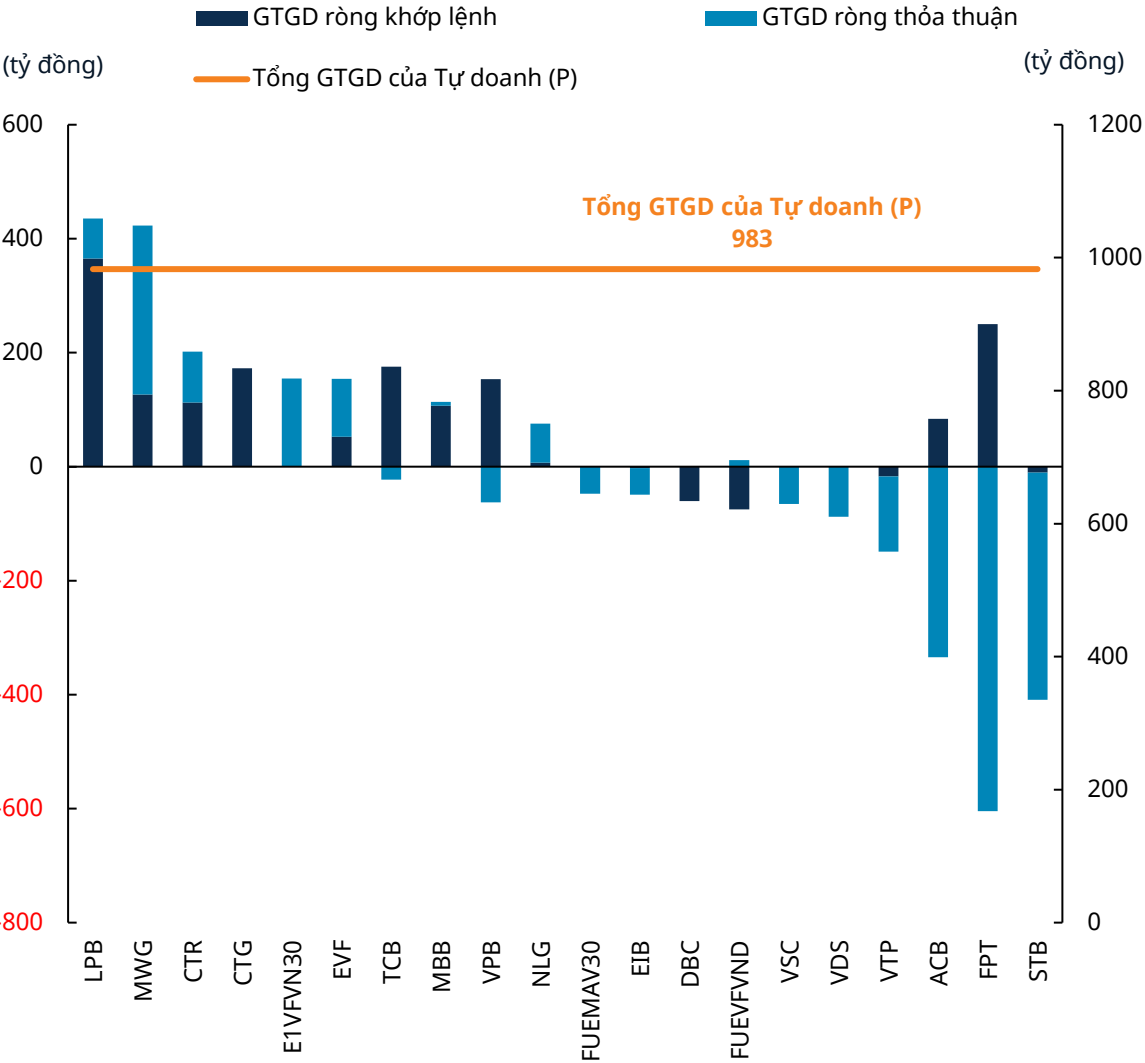


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 24/01/2025.

## ④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Top giá trị giao dịch ròng của Tự doanh trong tháng 1

Top giá trị giao dịch ròng của khối ngoại trong tháng 1



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 24/01/2025.

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 24/01/2025.

## ④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

### Nội lực là chìa khóa tăng trưởng trước thách thức














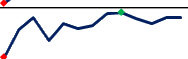
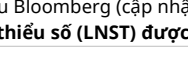
#### • Tổng quan về mùa báo cáo kết quả kinh doanh Q4 2024:

- Kết quả kinh doanh khả quan trong quý 4/2024, cùng với hoạt động giao dịch có phần trầm lắng trong tháng 1, đã tạo nền tảng phù hợp cho đà tăng của thị trường trong thời gian qua. Các công ty niêm yết tại HOSE công bố tổng lợi nhuận sau thuế và lợi ích cổ đông thiểu số (NPATMI) vượt 115 nghìn tỷ đồng, thể hiện mức tăng trưởng ấn tượng so với cùng kỳ năm trước và so với quý trước lần lượt là 33,5% và 10,2%; qua đó, đưa tổng tăng trưởng lợi nhuận năm 2024 đạt gần 18% (vượt kỳ vọng của các công ty tổng hợp thông qua các cuộc họp đại hội cổ đông thường niên là 14%). Hầu hết các ngành đều cho thấy quỹ đạo phục hồi lợi nhuận tích cực so với giai đoạn trước và giữa COVID, ngoại trừ các ngành như Bất động sản, Tiện ích và Năng lượng, vốn tiếp tục đối mặt với những khó khăn trong hoạt động và biến động thị trường.
- Ngành ngân hàng chứng kiến mức tăng trưởng lợi nhuận vượt trội, vượt kỳ vọng trong quý 4. Hoạt động cho vay cốt lõi vẫn duy trì mạnh mẽ, với thu nhập lãi thuần tăng 14% so với cùng kỳ, chiếm hơn 80% tổng doanh thu. Điều này được bổ sung bởi sự phục hồi của các hoạt động ngoài lãi, đặc biệt là chứng khoán đầu tư và các nguồn thu nhập khác. Các sáng kiến nâng cao hiệu quả hoạt động, bao gồm tối ưu hóa lực lượng lao động và đẩy nhanh số hóa, đã giúp hạn chế mức tăng trưởng chi phí hoạt động ở mức 11% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, chúng tôi cũng nhận thấy sự phân hóa nhất định và tăng trưởng lợi nhuận không đồng đều giữa các ngân hàng; đặc biệt thông qua chi phí huy động vốn. Một số ngân hàng ghi nhận lợi nhuận giảm trong quý 4/2024 trong bối cảnh áp lực thanh khoản và tỷ giá trong nửa cuối năm 2024. Sự chênh lệch đáng kể giữa tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng cung tiền M2 đã dẫn đến chi phí huy động vốn tăng cao, ảnh hưởng đặc biệt đến các ngân hàng vừa và nhỏ. Đồng thời, một số tổ chức ghi nhận chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng, chi phí nhân sự tăng và thu nhập ngoài lãi giảm mạnh, ảnh hưởng kém khả quan đến kết quả doanh thu tổng thể.
- Ngoài ngân hàng, thị trường chứng kiến sự phục hồi đáng kể trong lĩnh vực bán lẻ, đặc biệt là điện tử tiêu dùng, và vận tải, bao gồm hàng không và vận tải biển. Những sự phục hồi này được củng cố bởi bối cảnh vĩ mô dần trở nên thuận lợi hơn và thúc đẩy các hoạt động chi tiêu, mua sắm và du lịch, qua đó củng cố tăng trưởng lợi nhuận chung của thị trường.

#### • Triển vọng thị trường tháng 2:

- **Động lực tăng trưởng:** Chính phủ hiện đang trình Quốc hội xem xét các đề xuất, đặt mục tiêu tăng trưởng GDP vượt 8% và lạm phát CPI trung bình 4,5-5% cho năm 2025. Để đạt được các mục tiêu đầy tham vọng này và tiến tới vị thế quốc gia có thu nhập trung bình cao trong giai đoạn 2026-2030, các biện pháp thúc đẩy tổng cung được đề xuất bao gồm phát triển cơ sở hạ tầng thông qua đầu tư công, thu hút FDI công nghệ cao và sản xuất, và tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư tư nhân. Với mục tiêu tăng trưởng đầy tham vọng, chúng tôi cho rằng việc cải thiện năng suất lao động thông qua áp dụng khoa học công nghệ và phát triển nhân lực công nghệ cao đều khó có thể đạt mục tiêu tăng trưởng bền vững trong thời gian ngắn trong khi thúc đẩy tổng cung thông qua gia tăng đầu tư sản xuất cần sự thích nghi nhất định đến từ thị trường nội địa (vốn có thể tiếp tục tạo ra sự phân hóa về các nhóm thu nhập khác nhau) cũng như đồng thời cân bằng với mức tổng cầu đến từ thị trường quốc tế; đặc biệt trong bối cảnh các đối tác thương mại chủ chốt với Việt Nam (ngoại trừ Mỹ) như Châu Âu và Trung Quốc đều ghi nhận hoạt động sản xuất và tiêu dùng nội địa tương đối yếu.
- **Tỷ giá:** Diễn biến tỷ giá cần được theo dõi chặt chẽ trong nửa đầu năm 2025, do lộ trình cắt giảm lãi suất của Fed đối mặt với những trở ngại từ áp lực lạm phát của Thương Chiến, đặc biệt trong bối cảnh CPI cơ bản của Mỹ ổn định ở mức 3,2-3,3% so với cùng kỳ năm trước do áp lực dai dẳng từ lĩnh vực dịch vụ. Trong khi thị trường kỳ vọng Fed sẽ có hai đợt cắt giảm lãi suất trong năm nay, chi tiêu hộ gia đình mạnh mẽ, việc làm ổn định và tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp bền vững cho thấy các yếu tố bất định vẫn đang tiếp diễn, tạo tiền đề cho một giai đoạn thận trọng của Fed thông qua sự phụ thuộc vào dữ liệu và giảm tính hiệu quả của công cụ “định hướng kỳ vọng”.
- **Thị trường chứng khoán:** Chúng tôi kỳ vọng VN-Index sẽ duy trì đà tăng hướng tới các vùng đỉnh gần nhất là 1.280-1.300 điểm, được thúc đẩy bởi xung lực đến từ nhóm Ngân hàng trong bối cảnh tâm lý giao dịch được củng cố sau ba tuần tăng điểm liên tiếp và ngưỡng hỗ trợ được thiết lập tại 1.220 điểm. Tuy nhiên, sự phụ thuộc ngày càng tăng vào kết quả kinh doanh của ngành ngân hàng, cùng với các động lực tăng trưởng hạn chế ở các ngành khác và các tín hiệu đáng lo ngại từ cổ phiếu FPT trong bối cảnh làn sóng bán tháo cổ phiếu công nghệ Mỹ, cho thấy những rủi ro cần phải tiếp tục theo dõi. Mặc dù định giá thị trường đã trở nên hấp dẫn hơn sau khi ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận trong Q4 2024, các nhịp điều chỉnh và tái tích lũy trong ngắn hạn dường như là cần thiết để thiết lập các mức cân bằng mới trước khi có những bước tiến bền vững, cho thấy khả năng hình thành ngưỡng hỗ trợ tại 1.240-1.250 điểm.
- **Các yếu tố rủi ro từ vĩ mô toàn cầu cần theo dõi:** (1) Xung đột Nga-Ukraine kéo dài tiếp tục làm suy giảm triển vọng tăng trưởng kinh tế châu Âu; (2) Dòng vốn chảy mạnh vào thị trường Mỹ, dẫn đến sự rút vốn đáng kể đối với phần còn lại của thế giới; (3) Chính sách thuế quan mới trong nhiệm kỳ thứ 2 của Tân Tổng thống Donald Trump có khả năng sẽ làm gia tăng rủi ro thương chiến lan rộng ra toàn cầu; (4) Hoạt động sản xuất trì trệ trên các nền kinh tế lớn, đặc biệt là các ngành công nghiệp tại châu Âu và Trung Quốc; (5) Lạm phát dai dẳng tại thị trường Mỹ và Châu Âu cho thấy lộ trình bình thường hóa lãi suất có thể gặp nhiều biến động; (6) Quan điểm “điều hòa” của Ngân hàng Nhật Bản cùng khả năng tiếp tục nâng lãi suất mang lại rủi ro về việc đảo chiều hoạt động “carry trade”.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Hiệu suất giao dịch theo ngành trong tháng 1 và kết quả kinh doanh quý 4/2024																					
Phân ngành GICS	Vốn hóa (tỷ đồng)	Tỷ trọng vốn hóa	Vốn hóa 1 năm gần nhất	Biến động vốn hóa				Tăng trưởng LNST (YoY)						Tăng trưởng LNST (YoY)							
				1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	2020	2021	2022	2023	2024	2024AGM	1Q23	2Q23	3Q23	4Q23	1Q24	2Q24	3Q24	4Q24
Ngân hàng	2.138.462	40,5%		1,7%	1,8%	6,9%	14,3%	16,2%	32,5%	35,8%	4,3%	18,5%	16,9%	-2,4%	1,6%	-0,6%	21,3%	10,0%	19,0%	16,7%	28,0%
Bất động sản	649.385	12,3%		-1,4%	-3,1%	-1,1%	-4,3%	-0,9%	9,2%	-2,3%	-7,7%	-0,9%	19,3%	34,4%	57,9%	-40,4%	-36,7%	-34,3%	-73,5%	48,3%	128,5%
Nguyên vật liệu	441.504	8%		-2,6%	-4,6%	-6,3%	11,4%	54,2%	117,2%	-48,0%	-41,9%	43,4%	23,5%	-80,5%	-65,9%	157,5%	377,4%	91,7%	84,4%	24,3%	7,0%
Thực phẩm, đồ uống	410.334	7,8%		-2,3%	-4,2%	-6,6%	1,2%	-19,6%	34,1%	-12,2%	-24,4%	17,1%	20,9%	-51,2%	-21,4%	-21,6%	3,5%	28,3%	0,5%	23,2%	23,3%
Tiện ích	288.070	5,5%		-1,0%	-2,3%	-10,4%	-1,1%	-19,9%	12,5%	47,5%	-29,1%	-20,7%	-43,5%	-5,6%	-27,9%	-49,8%	-31,2%	-55,8%	-23,2%	69,2%	-27,0%
Vận tải	238.985	5%		-0,1%	7,5%	10,3%	15,9%	-165,5%	-7,7%	24,1%	126,5%	938,1%	200,8%	7944,5%	375,5%	14,0%	83,7%	411,6%	124,2%	548,3%	618,9%
Phần mềm và dịch vụ	238.402	4,5%		0,4%	12,3%	18,8%	81,8%	12,3%	22,9%	21,0%	21,6%	20,5%	11,9%	18,2%	20,7%	19,0%	29,9%	22,5%	22,2%	17,5%	20,8%
Xây dựng cơ bản	222.155	4,2%		0,2%	1,9%	1,2%	9,4%	5,3%	18,2%	-13,0%	-9,0%	43,0%	31,1%	-46,9%	-1,2%	17,2%	16,3%	19,6%	29,6%	9,6%	127,9%
Dịch vụ tài chính	196.694	3,7%		-2,0%	-3,8%	1,8%	4,7%	38,3%	151,3%	-54,9%	61,8%	13,9%	18,1%	-53,8%	137,2%	162,9%	475,5%	91,6%	7,6%	2,1%	-16,7%
Dầu khí	78.036	1,5%		2,4%	-4,7%	-13,1%	6,9%	-105,4%	2465,6%	62,8%	-23,1%	-56,5%	-69,5%	-5,1%	-73,3%	329,0%	15,2%	3,2%	-6,5%	-109,4%	-72,5%
Bán lẻ	122.263	2,3%		1,1%	-4,6%	-1,5%	38,3%	0,2%	41,0%	-8,2%	-93,2%	1096,8%	663,1%	-93,2%	-106,1%	-86,6%	-82,9%	710,1%	1534,4%	527,2%	576,7%
May mặc và trang sức	56.160	1,1%		-2,7%	0,7%	-2,7%	6,7%	26,6%	17,1%	27,3%	-34,2%	29,5%	38,2%	-35,3%	-49,5%	-44,9%	-0,8%	9,9%	33,5%	29,7%	50,2%
Bảo hiểm	50.310	1,0%		-0,2%	14,4%	9,7%	20,7%	28,5%	27,4%	-19,6%	22,1%	7,0%	11,8%	6,5%	41,2%	22,7%	27,7%	13,1%	7,0%	-1,0%	8,3%
Dược phẩm	36.374	0,7%		-0,7%	3,1%	2,4%	7,7%	8,4%	8,0%	24,2%	1,9%	-12,2%	-1,4%	23,7%	10,0%	-21,2%	-5,1%	-23,4%	-20,7%	-9,5%	8,0%
VN-Index	5.279.645	100%		0,01%	0,2%	1,8%	6,1%	-3,5%	42,5%	7,8%	-6,0%	17,6%	13,9%	-17,7%	-10,8%	-6,7%	18,6%	10,0%	5,9%	21,8%	33,5%

Nguồn: Phòng phân tích Mirae Asset Việt Nam, dữ liệu Bloomberg (cập nhật đến ngày 24/01/2025). Điểm màu đỏ trên đồ thị xu hướng vốn hóa là mức thấp nhất, điểm màu xanh là mức cao nhất. Biến động giá được tính trên cơ sở đo lường sự thay đổi của vốn hóa.  
Lưu ý: Số liệu tổng lợi nhuận sau thuế và cổ đông thiểu số (LNST) được chúng tôi tổng hợp từ nguồn báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên sàn HOSE.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)					Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		5.279.645	1.265,05	1.305,02	1.165,99	-0,14	0,05	1,08	4,6	8,7	14,8	1,7	12,5	16,42	24,48
VN30 Index		3.615.873	1.337,59	1.372,66	1.171,62	-0,53	-0,08	2,96	7,8	14,7	11,7	1,6	14,8	20,00	15,30
VN70 Index		1.032.046	1.907,77	2.031,02	1.709,22	0,37	1,02	1,46	5,3	8,8	18,1	1,5	8,8	13,96	34,70
VNFinLead Index		2.266.453	2.149,66	2.188,53	1.892,98	0,15	0,87	7,03	8,0	11,4	8,8	1,3	15,3	19,19	11,29
Ngân hàng	VCB	517.550	92.600	98.200	85.000	1,54	-1,07	3,81	1,54	4,63	14,9	2,7	19,8	22,9	7,1
	BID	275.901	40.000	46.860	35.744	6,52	1,36	1,68	-1,63	1,47	11,2	2,1	18,9	16,8	13,2
	CTG	204.060	38.000	38.800	30.250	0,53	6,44	18,75	15,85	20,25	9,5	1,5	16,5	26,9	3,1
	TCB	174.855	24.750	25.000	17.000	0,41	3,56	6,45	6,22	43,27	8,1	1,2	15,6	22,5	0,0
	VPB	149.951	18.900	20.950	17.800	-1,56	-7,58	-0,53	1,89	-2,58	9,5	1,1	11,4	25,1	5,0
	MBB	136.691	22.400	22.783	18.913	2,63	2,83	5,57	15,78	18,44	6,3	1,3	22,0	23,2	0,0
	ACB	113.230	25.350	26.500	22.478	-1,74	-0,20	3,26	8,58	13,21	6,7	1,4	21,7	30,0	0,0
	LPB	107.094	35.850	36.100	14.127	14,72	27,08	43,65	100,35	137,24	11,1	2,5	25,1	1,1	3,9
	HDB	79.163	22.650	25.000	17.542	-11,18	1,04	3,35	15,17	24,68	6,2	1,5	28,1	17,5	0,0
	STB	69.753	37.000	37.400	26.150	0,27	5,11	27,59	31,21	23,75	6,9	1,4	18,4	22,9	7,1
	VIB	61.519	20.650	21.368	17.308	4,82	8,97	13,96	14,50	16,44	8,6	1,5	18,1	5,0	0,0
	SSB	53.156	18.750	21.128	15.200	11,94	13,29	-2,30	-3,19	-6,99	11,3	1,6	15,0	0,1	4,9
	TPB	43.460	16.450	18.100	13.667	-1,20	-4,91	8,76	10,28	10,59	7,2	1,2	14,2	29,9	0,1
	SHB	37.723	10.300	12.350	10.150	0,49	-2,83	-7,62	-10,04	-11,21	4,0	0,7	14,6	2,8	27,2
	EIB	34.553	18.550	21.600	15.187	-3,89	-7,02	9,06	10,58	5,86	12,8	1,4	11,8	2,3	27,7
	MSB	28.990	11.150	13.200	10.077	-4,29	-9,72	-1,06	6,58	6,58	5,3	0,8	13,3	27,5	2,5
	OCB	27.617	11.200	13.333	10.200	-1,75	-2,18	-7,31	-1,54	-9,49	12,6	0,9	7,4	19,2	2,9
	NAB	23.196	16.900	17.750	12.240	5,96	5,63	11,55	25,74	34,55	6,0	1,3	22,7	1,2	28,8
Dịch vụ tài chính	SSI	49.537	25.250	31.461	23.500	-3,07	-5,08	-1,32	-10,85	-8,78	17,1	2,0	12,6	39,7	60,3
	VCI	24.703	34.400	42.308	31.500	3,61	-0,72	0,49	-4,85	4,24	24,1	2,3	10,2	25,1	74,9
	HCM	21.059	29.250	31.300	23.500	-0,51	1,56	15,38	8,13	10,38	19,9	2,0	11,1	44,4	4,6
	VND	18.268	12.000	21.653	11.400	-4,76	-17,53	-22,83	-33,85	-37,34	10,0	0,9	13,0	11,4	88,6
	VIX	14.425	9.890	14.131	9.098	0,41	-9,68	-12,09	-11,94	-14,97	18,2	0,9	5,3	5,6	94,4
	FTS	12.665	41.400	48.000	32.143	-1,90	-0,96	11,29	6,35	21,00	0,0	0,0	0,0	30,0	70,0
	SHS	10.408	12.800	20.900	10.800	0,00	-9,86	-20,99	-30,05	-30,05	0,0	0,0	0,0	2,4	46,6
	VDS	4.593	18.900	24.664	15.202	-9,57	-5,26	-9,57	14,84	24,33	15,2	1,7	11,3	3,3	96,7

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 24/01/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi ít nhất bốn quỹ ETF khác nhau; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)					Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Bảo hiểm	BVH	37.710	50.800	54.800	38.200	0,20	18,14	16,51	28,77	25,43	19,1	1,7	8,9	26,5	22,5
	MIG	3.356	16.900	21.664	15.334	-3,43	6,00	-7,35	1,52	-1,80	11,6	1,5	13,3	16,4	83,6
Nguyên vật liệu	HPG	169.820	26.550	29.950	24.750	-0,38	-1,30	-2,39	2,83	5,24	13,9	1,5	11,5	21,5	27,5
	GVR	115.200	28.800	38.200	20.950	-5,11	-12,46	-12,73	-4,00	28,57	33,5	2,2	6,7	0,3	12,7
	DGC	42.307	111.400	134.000	87.800	-4,46	-0,80	-0,54	-6,23	23,23	15,1	3,2	22,4	17,8	31,2
	DCM	17.735	33.500	40.050	29.850	-5,90	-10,79	-9,70	9,12	5,85	12,8	1,8	14,3	5,8	43,2
	DPM	13.540	34.600	39.950	31.050	-1,14	0,14	-1,98	9,49	5,65	20,8	1,2	5,8	8,6	40,4
	HSG	10.836	17.450	25.600	17.150	-5,42	-13,83	-19,95	-10,05	-23,80	18,7	1,0	4,8	9,2	39,8
	PHR	7.046	52.000	65.900	48.250	-2,26	-8,77	-8,93	-7,96	1,56	18,3	1,8	10,4	18,0	31,0
	NKG	5.953	13.300	21.150	13.300	-7,96	-17,32	-24,46	-22,04	-29,45	0,0	0,0	0,0	7,8	42,2
	TCI	1.056	9.130	12.140	7.560	2,58	8,82	-3,49	-5,82	-16,03	17,4	0,9	4,7	5,2	94,8
Bất động sản	VHM	162.243	39.500	46.000	34.600	-1,25	-4,82	7,63	-3,19	-4,82	5,5	0,8	16,4	12,3	37,8
	VIC	154.476	40.400	48.700	40.150	-0,37	-2,77	-4,49	-9,11	-4,94	12,8	1,1	9,4	8,7	39,3
	BCM	71.726	69.300	74.000	50.700	-2,26	3,28	-5,07	32,25	6,13	36,0	3,7	15,3	2,2	31,8
	VRE	37.607	16.550	27.200	16.300	-3,50	-7,28	-11,02	-26,28	-26,28	9,2	0,9	10,3	18,4	30,6
	KDH	35.137	34.750	35.950	27.727	-3,74	3,73	5,45	9,21	23,71	44,0	2,0	4,9	37,2	12,8
	KBC	22.261	29.000	35.900	24.600	6,62	10,27	6,23	0,00	-4,13	49,7	1,2	2,4	19,3	29,7
	VPI	18.883	59.000	59.900	45.583	-1,34	1,72	0,85	20,00	28,26	0,0	0,0	0,0	11,2	37,8
	NVL	17.414	8.930	18.700	8.810	-12,88	-14,95	-24,64	-41,44	-46,53	N/A	0,5	-7,5	4,3	44,7
	SIP	17.158	81.500	86.800	60.870	-1,93	9,99	8,96	15,71	20,94	16,2	4,1	28,4	4,6	44,4
	PDR	16.677	19.100	29.724	16.950	-7,73	-9,26	0,53	-20,07	-24,50	31,5	1,5	4,5	7,9	42,1
	NLG	14.036	15.250	19.475	12.040	1,90	-4,24	14,77	-1,57	-14,08	82,3	1,1	1,3	43,6	6,4
	DXG	13.280	36.450	45.850	32.150	-0,27	-8,53	-11,42	-3,83	-5,32	48,7	1,5	3,2	19,5	30,5
	EVF	7.066	9.290	18.056	8.800	2,09	-14,38	-22,22	-23,70	-37,68	13,0	0,8	6,1	0,5	14,5
	NTC	5.225	13.600	16.950	12.876	-1,81	2,26	-7,80	-1,45	1,73	17,4	1,0	5,8	2,1	-2,1
	IJC	5.137	217.700	240.000	179.500	2,21	12,22	6,45	8,85	5,17	17,4	5,4	35,8	4,6	44,4
	FMC	3.041	46.500	53.600	42.800	-1,06	1,53	-4,91	-4,22	4,26	10,9	1,5	13,9	30,9	19,1
	LHG	1.745	34.900	43.700	30.500	-1,69	-2,38	-13,72	10,09	6,24	8,8	1,1	12,7	17,5	31,5
Xây dựng cơ bản	VEA	52.753	39.700	50.900	35.200	-0,25	-12,36	-7,24	11,52	8,17	8,5	2,1	24,6	1,9	47,1
	REE	30.616	65.000	72.000	47.826	-4,27	1,40	-6,61	21,35	33,48	16,8	1,7	10,4	49,0	0,0
	VGC	22.283	49.700	60.900	39.650	10,57	21,81	9,83	-2,17	-4,97	20,2	2,7	13,7	4,9	44,1

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 24/01/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi ít nhất bốn quỹ ETF khác nhau; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.



④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)					Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Xây dựng cơ bản	IDC	18.051	54.700	64.300	50.000	-1,80	-2,32	-7,29	-2,67	3,21	9,0	3,2	37,7	22,6	26,4
	GEX	17.360	20.200	25.300	17.800	5,76	-0,98	-11,21	-0,98	-6,05	10,6	1,3	8,0	6,2	43,8
	CTR	15.053	131.600	162.000	91.200	5,70	3,79	4,44	6,13	44,14	28,4	8,9	30,2	9,7	39,3
	HUT	14.012	15.700	20.000	14.200	-0,63	-3,09	-6,55	-7,10	-18,23	0,0	0,0	0,0	1,4	48,7
	VCG	11.792	19.700	23.482	17.050	8,54	10,99	8,84	-0,39	-13,64	12,6	1,5	10,8	4,9	44,1
	DIG	10.794	17.700	33.950	17.450	-6,35	-13,87	-27,61	-36,33	-34,69	103,2	1,4	0,4	4,3	44,7
	BMP	10.380	126.800	136.100	93.000	-3,28	-5,72	30,99	16,33	22,87	10,5	3,8	36,8	83,9	16,2
	TCH	10.157	15.200	21.650	12.800	0,33	-5,88	-16,02	-5,00	15,15	10,4	1,1	10,8	5,3	45,7
	HDG	8.930	26.550	32.000	22.818	-6,84	-0,38	-5,35	9,59	11,47	13,4	1,4	11,2	19,6	30,4
	PC1	8.226	23.000	27.783	21.304	0,44	-1,31	-8,48	2,32	-11,54	19,3	1,5	8,1	14,0	36,0
	SZC	7.613	42.300	45.000	34.550	-0,24	8,60	10,01	5,22	8,46	26,4	2,5	11,7	2,3	17,7
	CTD	7.325	73.300	78.100	61.000	6,70	9,08	12,77	10,56	8,59	19,6	0,8	3,9	49,0	0,0
	DXS	3.880	6.700	8.680	5.500	-6,94	15,92	14,53	-4,83	-6,29	N/A	0,6	-0,2	18,9	31,1
	DPG	2.829	44.900	62.500	38.700	-2,39	-12,48	-13,32	4,54	13,24	12,7	1,5	11,7	6,2	42,8
Thực phẩm và Đồ uống	MCH	157.029	216.700	247.000	92.300	-15,02	3,34	7,28	54,79	118,89	0,0	0,0	0,0	2,7	47,3
	VNM	129.995	62.200	75.600	61.300	-1,89	-5,90	-13,13	-4,31	-7,16	15,5	4,0	26,3	51,3	48,7
	MSN	97.808	68.000	81.400	64.600	-2,86	-11,23	-8,23	1,19	5,59	51,3	3,2	7,0	26,4	22,6
	SAB	69.002	53.800	69.400	52.000	-3,06	-2,54	-2,89	-1,10	-4,44	16,1	2,8	17,2	60,7	39,3
	QNS	18.603	50.600	52.200	45.200	1,20	3,48	3,69	10,00	10,00	7,1	1,8	26,9	13,4	35,7
	KDC	17.012	58.700	62.624	49.600	0,51	15,78	0,69	2,00	4,00	N/A	2,5	-6,7	18,0	32,0
	VHC	15.285	68.100	80.000	63.400	-3,40	-4,49	-4,35	-7,97	6,91	16,7	1,8	10,4	27,1	72,9
	SBT	10.019	12.300	12.636	9.727	3,28	9,11	4,88	24,13	0,97	16,7	1,0	6,4	21,3	78,7
	DBC	8.501	25.400	32.304	21.765	-8,47	-9,29	-0,97	5,45	12,05	9,1	1,3	9,6	8,3	40,7
	PAN	5.243	25.100	25.700	20.100	5,68	2,66	9,85	17,84	18,68	8,8	1,0	12,1	19,5	29,6

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 24/01/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi ít nhất bốn quỹ ETF khác nhau; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

## ④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

### Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)					Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Tiện ích	GAS	159.067	67.900	83.725	66.600	-0,29	-3,69	-13,32	-5,77	-8,15	15,5	2,7	18,5	1,7	47,3
	POW	26.932	11.500	15.300	10.450	-4,17	-3,77	-14,50	9,52	1,32	19,8	0,8	4,3	3,7	45,4
	BWE	10.315	46.900	48.050	35.789	-1,26	4,22	10,22	27,15	25,21	19,4	1,9	10,5	11,6	37,5
	QTP	6.075	13.500	17.700	13.500	-3,57	-2,88	-10,00	-12,34	-8,16	9,9	1,1	10,7	0,9	48,1
	NT2	5.642	19.600	26.500	18.300	-6,44	3,16	-2,00	-8,41	-23,74	25,6	1,4	5,3	13,7	35,3
Dầu khí	PLX	50.188	39.500	51.700	34.500	5,33	-3,89	-13,94	10,64	14,16	18,3	2,0	11,9	17,4	2,6
	PVS	15.773	33.000	47.300	31.800	-2,65	-12,70	-18,72	-16,88	-10,08	14,6	1,2	8,3	19,4	29,6
	PVD	13.119	23.600	34.300	22.100	0,85	-7,99	-14,80	-20,67	-14,34	24,2	0,8	4,5	9,8	39,2
	PVT	9.292	26.100	32.000	23.636	-5,78	-7,12	-8,26	5,03	10,64	8,6	1,2	15,2	12,5	36,5
May mặc và trang sức	PNJ	32.980	97.600	109.600	87.700	-0,31	2,95	0,51	2,74	6,67	15,5	3,1	20,2	49,0	0,0
	TCM	4.319	42.400	53.600	36.273	-11,39	-6,61	-15,03	8,34	16,02	0,0	0,0	0,0	50,0	0,0
	PTB	4.177	62.400	76.500	53.900	-7,28	-0,95	-8,64	-2,95	15,77	12,6	1,5	11,9	23,5	1,5
	MSH	3.901	52.000	53.900	36.700	0,00	8,33	12,43	20,37	33,33	11,5	2,0	18,5	4,6	44,4
Bán lẻ	MWG	87.835	60.100	70.200	43.950	-1,48	-9,62	-5,80	9,47	33,56	23,6	3,2	14,6	45,9	3,1
	FRT	28.066	206.000	209.400	104.100	10,99	18,53	19,21	27,95	79,76	265,8	15,5	6,0	36,6	12,4
	DGW	8.328	38.000	53.769	37.300	-5,47	-11,73	-16,84	-16,27	-8,69	0,0	0,0	0,0	19,5	29,5
Phần mềm và dịch vụ	FPT	225.662	153.400	154.500	82.870	0,59	12,88	19,28	43,19	84,34	28,6	7,6	28,6	45,0	4,0
	CMG	9.954	47.100	67.207	34.685	-4,37	0,73	-4,94	17,09	31,03	30,4	3,7	12,4	35,3	14,7
Dịch vụ viễn thông	FOX	52.945	107.500	115.000	54.600	10,82	18,92	12,80	72,28	79,47	24,7	6,0	26,2	0,0	0,0
	TTN	926	25.200	26.000	8.300	8,15	64,71	58,49	144,66	196,47	32,6	2,1	6,4	1,0	48,0
Vận tải	ACV	264.499	121.500	138.000	68.500	-3,49	2,97	4,83	45,68	56,98	36,6	5,3	18,0	3,5	45,5
	VJC	54.053	99.800	119.400	98.000	-0,20	-4,95	-5,76	-4,04	-4,59	39,7	3,2	8,5	13,1	16,9
	GMD	26.453	63.900	73.671	57.914	-1,99	-2,14	-6,22	-10,89	10,17	17,2	2,6	14,7	45,6	3,4
	HAH	6.031	49.700	52.500	32.609	0,40	13,21	17,08	38,73	53,64	7,6	2,0	14,2	13,9	16,1
	VIP	965	14.100	17.150	10.800	0,00	7,22	4,44	26,46	25,89	14,8	0,8	5,2	9,7	39,3
Dịch vụ thương mại	TLG	5.447	63.000	71.800	41.773	-4,40	24,64	27,62	39,16	45,44	13,1	2,3	18,2	22,7	77,3

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 24/01/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi ít nhất bốn quỹ ETF khác nhau; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

# Phụ lục

## Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi CTCP Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

## Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations. Không part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.